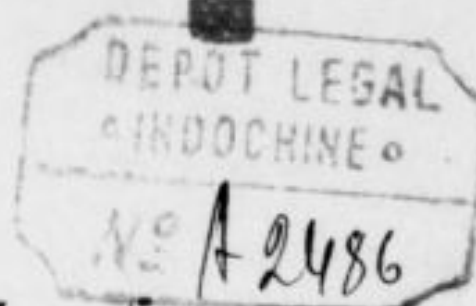


VĂN-HỌC

TẬP CHÍ



CƠ QUAN CHUYÊN KHOA, CƯU, BAN
SOẠN, GIẢNG-GIẢI, VỀ QUỐC - VĂN.
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1^{er} VÀ 15.

Revue littéraire paraissant le 1^{er} et le 15 de chaque mois

MỤC LỤC

1 — Vấn đề soạn tiểu thuyết	397
2 — Tinh cách chung của văn chương nước Pháp	400
3 — Bình luận thơ cổ	404
4 — Văn thơ (cổ và kim)	406
5 — Về bài vịnh Chinh - Phụ	410
6 — Văn thơ và khoa học	412
7 — Dịch Pháp văn : Bông hoa và đời người	418
8 — Một nhà văn - sĩ ở thần-kinh : cụ Hường-Lục-Khanh	419
9 — Cùng ông Chắt-Hằng về bài Nghề văn sĩ	421
10 — Hộp thư	423
11 — Người yêu quốc văn cần viết trủng chữ quốc - ngữ	424
12 — Vui cười :	426
13 — Chú thích những áng văn cổ: bài tự linh của ông Caobá-Nhạ II	427
14 — Tiết phụ ngâm (tiếp theo và hết)	432
15 — Mũi tên độc tiểu thuyết đường rừng (tiếp theo và hết)	435
16 — Hoa lư kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết	439
17 — Những cỏ rác ở vườn văn	445
18 — Những chuyện lý thú trên đàn văn : Nghìn vàng thực cũng nên mua, — thơ tự nhiên của Hồ - xuân - Hương	447
19 — Tin tức trong làng văn	449
20 — Tập trở: Lại hai quyển sách rất nhỏ	450
21 — Ai biết bảo giùm (viết theo lối chữ Annam bỏ dấu)	451

CHỦ - BÚT : Dương - Bá - Trạc — CHỦ - NHIỆM : Dương - Tự - Quán

TÒA BÁO

193, Phố hàng Bông, 193

HANOI

Giá bán : một năm : 3\$00 — nửa năm : 1\$70 — mỗi số 0\$15

MỘT QUYỀN SÁCH NHÀ NÀO CŨNG CẦN PHẢI CÓ

家禮簡要

GIA LỄ GIẢN YẾU

Cử - nhân DUƠNG - BÁ - TRẠC soạn

Có cả « Các bài văn khấn » và « Khoản thức biên gia-phả »
Lại có in sẵn nhiều trang để người nào có quyền này
chỉ việc điền gia - phả của nhà mình vào

RẤT TIỆN LỢI ! RẤT RẺ !

vì dày gần 60 trang mà bán có 0\$15 thôi.

Mua 1 quyền gửi bằng timbres postes cũng được :

Đề cho : Đông-Tây ấn-quán 193, Phố hàng Bông — Hanoi



Ai ai cũng đều nên đọc quyền

NAM-NỮ TU-TRI

Dày 100 trang giá 0\$25 cước 0\$03

Của ĐÔNG-TÂY ẤN QUÁN, 193, phố hàng Bông, Hanoi

Vì là quyển sách nói về Nam Nữ ái tình cốt để gây
nói giống, tăng hạnh phúc cho vợ chồng và gia đình

C A C



Ai muốn đồ bằng Certificat d'études primaires
franco-indigènes thì nhớ mua cuốn :

RECUEIL DE DICTÉES

của ông DUƠNG - QUẢNG - HÀM

Giáo - Sư tại trường Bảo - Hộ Hanoi

Phần trên dạy về analyse grammaticale và logique,
phần dưới là chép những bài dictées đã dùng làm
đầu bài thi, bao nhiêu câu hỏi đều có trả lời phân
minh lại có những điều giảng giải cặn kẽ nữa.

RẤT TỐT!! RẤT TỐT!!

Chả thế mà đã in tới lần thứ hai rồi.

Sách dày 170 trang — Giá bán 0\$45 — Cước đảm bảo 0\$16

Mua một quyền gửi bằng timbres-postes cũng được cho

■ ĐÔNG-TÂY ẤN QUÁN, 193 PHỐ HÀNG BÔNG HANOI ■

VĂN-HỌC TẠP-CHÍ

SOẠN TIỂU THUYẾT



ta, gần đây các sách xuất-bản kể ra cũng đã nhiều. Trông vào Văn-học giới nước ta đã có thể lạc-quan được đôi chút. Lấy con mắt nhận xét ra mà coi thì sách giáo-khoa, luân-lý, văn, văn . . . (tôi muốn nói những sách học, sách khảo-cứu) vẫn còn thừa-thớt mà số đông chỉ là sách chuyện, sách tiểu-thuyết cả.

Trong những sách tiểu-thuyết đó xem ra không toàn là những sách dịch ở các tiểu-thuyết, các nước. Các nhà học-giả nước ta ngày nay đã thấy thi nhau soạn tiểu-thuyết nhiều lắm. Nhưng trừ mấy bộ kể cũng có thể gọi là giá-trị, còn thì xem ra vẫn thấy lỗ-mổ chưa đầu vào đầu. Như thế các văn-sĩ viết tiểu-thuyết ở nước ta hãy còn ở vào cái thời-kỳ tập sự vậy. Xem ra thì chỉ tại ta chưa rành cách biên thuật và khi phổ-diễn rất cầu-thả. Nay tôi muốn nói qua về việc biên thuật đó.

Soạn một thiên tiểu-thuyết ngắn ngắn (đoản - thiên tiểu-thuyết) chứ đừng nói gì đến những tiểu-thuyết dài, giấy ước chừng mấy tập giấy . . . thực vậy, soạn một thiên tiểu thuyết ngắn ngắn mà mong lấy hoàn-toàn cũng là rất khó.

Người soạn phải cân nhắc từng ly từng tý, phải là một người dàn cảnh (*metteur en scène*) lành nghề, lại

cần biết phô-diễn ra một cách khéo léo.

Theo về lý luận và bằng vào những nhà phê-bình về phương-diện kỹ thuật thì trong một bộ hay một thiên tiểu-thuyết phải gồm có sáu cái yếu tố như sau này :

- 1.) Nhân - vật trong truyện
- 2.) Hoàn - cảnh của truyện
- 3.) Động - cơ trong truyện
- 4.) Tình - tự liên lạc của các nhân vật trong truyện
- 5.) Kết - cấu nên bộ tiểu-thuyết.
- 6.) Tác-phong hoặc phô-diễn.

Song chỉ có hai phần lớn, quán cả các phần khác là phần kết cấu và phần phô diễn. Hai phần đó trong một bộ tiểu-thuyết là tối quan trọng như linh hồn và thân thể của một bộ tiểu-thuyết vậy.

Các nhân-vật trong truyện kia, ông chủ, ông khách, vai chính, vai phụ . . . cho khéo chọn đến đâu mà kết cấu không giỏi thì cũng « không có chuyện » nghĩa là các ông ấy không « ăn » với nhau. Lại phải cần cả cái vẻ văn nữa nghĩa là cho các ông ấy ăn nói thế nào cho hợp giọng, nhà chính-trị đừng có hát giọng đồ-dưa, ông bố nghiêm-chỉnh đừng có giậy con bằng giọng hầu sáng . . . Một bộ tiểu-thuyết gọi là hoàn-toàn thì văn chương cũng phải hoàn-toàn . . . nghĩa là tất phải trọng cả về hai phần kết-cấu và phô-diễn.

Văn-chương phải cho hay, ý tứ phải cho dồi dào thì tiểu-thuyết viết mới mong có giá-trị được. Mà hai phần đó hình như vẫn đi đôi với nhau cho nên ý-tứ dồi-dào được bao nhiêu thì văn-chương càng chải chuốt bấy nhiêu.

Nay nói riêng về hai phần đó :

Phần kết-cấu là phần khó hơn cả ; nếu kết-cấu không khéo, không hay thì khiến người đọc rất dễ mất hứng, sinh chán-nản mà đọc-giả đã đến phải sinh chán sinh

nản thì tiểu-thuyết viết còn mong có giá-trị gì. Về phần này nhà soạn tiểu thuyết phải dùng hết trí tưởng tượng mà gây nên, xếp đặt cho thành hình thành thể . . . , hoặc nhân một sự gì xảy ra, gộp nhặt lấy tài-liệu rồi lấy cái tài khéo-léo, kinh-nghiem của mình mà thu xếp hoặc bịa đặt thêm vào, sửa soạn cho thành một câu chuyện có đủ manh mối, đầu đuôi, trước sau có liên tiếp hẳn hoi với nhau khiến cho hết như chuyện thực xảy ra trong xã hội, làm cho người đọc phải phục phải tin.

Lại đến phần phô-diễn . . .

Phần kết-cấu trong bộ tiểu thuyết đã là phần cốt yếu thì phần phô diễn cũng không phải là không quan trọng. Như trên đã nói thì phần phô diễn là thân thể của bộ tiểu thuyết. Thân thể có khỏe mạnh thì linh-hồn mới sáng suốt. Cho nên cái giá trị của bộ tiểu thuyết quan trọng do ở phần này hơn nhiều.

Kết cấu thể nào mặc dầu mà văn chương tả không khéo, chuyện cũng mất hay, mà trái lại, nếu phần kết cấu chưa được hoàn toàn cũng có thể nhờ phần văn chương mà chuyện viết có thể nên hay được.

Tả cảnh, tả tình, tả người, tả truyện . . . nếu lời văn hay thì khiến đọc-giả dễ bị lôi kéo vào địa vị một người nào, một cảnh nào . . . trong chuyện được mà rồi như mơ như mộng . . . chìm đắm, say sưa . . . cũng vui sướng, cũng buồn lo như người chủ động trong truyện vậy.

Đã có người ví phần kết cấu như cái bộ xương, bộ khung của tiểu thuyết, đến phần văn-chương thì thực như là da, là thịt, là gân, là máu của tiểu thuyết vậy.

Cho nên muốn soạn tiểu-thuyết trước hết phải biết hai phần cốt chính của tiểu thuyết và viết tiểu thuyết không nên không chú trọng về hai phần đó.

Tràng - Kiều

NÓI CHUYỆN VỀ VĂN - CHƯƠNG NƯỚC PHÁP

Tính-cách chung của văn - chương nước Pháp

Văn-chương nước nào cũng vậy — thứ nhất là văn-chương nước Pháp rất là phong-phú — gồm bao nhiêu là thơ văn, sách vở của nhiều nhà làm ra mà mỗi nhà có một biệt tài biệt tính, nay lấy một lời mà bao-quát cái tính-cách chung của nền văn ấy, thật cũng khó khăn, thay! Nhưng ta phải biết rằng tuy mỗi văn-sĩ có một tính-cách riêng, song đã sinh trưởng ở một nước nào, chịu ảnh-hưởng cái hoàn-cảnh trong nước ấy, tiêm-nhiễm các tư-tưởng tính-tình của người trong nước ấy, tất thế nào cũng giữ được cái tinh thần chung của dân nước ấy. Bởi thế nếu ta xét kỹ văn-chương một nước nào, cũng có thể nhận ra rằng các văn sĩ nước ấy — trừ một số ít khổng kể — phần nhiều đều có những tính-cách chung, tức là những cái phân-biệt văn-chương nước ấy với văn-chương nước khác.

X

Nay ta xét văn-chương nước Pháp thời cái tính-cách chung ấy là gì? Một nhà phê-bình có tiếng là ông FERDINAND BRUNETIÈRE đã nói rằng: *cái tính-cách cốt-yếu của văn-chương nước Pháp là tính-cách xã-hội*, nghĩa là văn-sĩ Pháp viết văn là vì người khác chứ không phải vì mình, cốt đề cho người đọc được hứng thú chứ không đề lấy thú riêng một mình. Chắc có người bảo: người ta đã viết là cốt đề cho người khác xem, thế thì văn-chương nước nào mà chả có tính-cách ấy. Nhưng ta cứ xem nhiều khi ta ghi chép vào quyển sổ nhật-ký riêng thì đủ biết có khi ta chỉ viết riêng cho một mình ta xe thôi. Một số ít nhà làm

văn cũng thế: viết văn chỉ cốt đề ghi chép các công chuyện riêng của mình, hoặc ký thác cái tâm sự của mình lên tờ giấy để một mình mình biết một mình mình hay thôi. Bởi vậy nên văn-chương các nước cũng có nước không có tính cách ấy. Sở dĩ văn Pháp có cái tính cách xã-hội ấy, là vì người Pháp vốn ưa sự xã-giao, thích đi lại chuyện trò với nhau. Xem như ở bên Pháp thường có những cái *sa-lông* (salon) là những nơi các văn-sĩ, các bậc danh-vọng thường đến họp mặt nhau để bàn luận về nghĩa lý thơ văn thì biết. Nhiều khi một quyển sách, một vở kịch, trước khi đem in hoặc đem diễn, tác - giả đem đến đây đọc cho mọi người nghe thử đã. Lại có nhiều tập danh văn truyền lại đến giờ là do sự bàn luận chuyện trò ở các nơi ấy mà viết ra.

Cái tính-cách ấy, trong ba thế-kỷ thứ 16, thứ 17 và thứ 18, biểu lộ ra một cách rất rõ rệt. Đến thế kỷ thứ 19, cái phong-trào lãng-mạn thịnh-hành một hồi; tuy các văn gia lúc bấy giờ thiên về chủ nghĩa duy-kỷ, đem cảnh ngộ tính-tình riêng của mình ra mà ngâm-vịnh trừ thuật, nhưng xét kỹ ra thì các nhà ấy tuy nói đến thân mình mà vẫn nghĩ đến người ngoài. Vả chẳng cái phong-trào ấy cũng chỉ thịnh-hành trong một thời-kỳ về đầu thế-kỷ thứ 19, rồi sau các văn-sĩ Pháp cũng quay lại cái lối văn cổ - điển là lối văn rất chuộng cái tính-cách xã-hội vậy.

Do cái tính - cách cốt-yếu ấy mà văn - chương Pháp có mấy cái đặc-tính cần phải giải thích ra.

1° Về phần « ý » thì văn Pháp thường diễn giải những ý - tưởng tính-tình chung để ai nấy đều xem mà hiểu được. Vì đã vì người ngoài mà viết văn, phải chọn những đề mục mọi người đều ưa thích, hoặc những

lý - tưởng thuộc về nhân-sinh xã-hội, hoặc những tính tình phổ-thông trong lòng người, hoặc những việc xảy ra hàng ngày ở xã-hội. Nhưng ta đừng tưởng vì chuộng sử phổ-thông ấy mà văn Pháp hóa ra tầm-thường bã-dã. Tuy nói đến những đề-mục quan - thiết đến mọi người, nhưng văn ấy vẫn mới mẻ bạo dạn, có khi lại có tính chất lập dị và cách-mệnh nữa.

2° Văn-chương nước Pháp chú-trọng về *tâm-lý*: các văn-sĩ Pháp hay nghiên cứu cõi lòng người ta để mô-tả ra, hoặc các tính-tình thị - dục, hoặc các nét hay tật xấu của con người ta. Điều đó cũng dễ hiểu. Dân Pháp đã ưa sự xã-giao, đã hay đi lại chơi bời với nhau, tất hay quan-sát lẫn nhau, xét nét tâm tính của nhau. Một cơ nữa là văn - sĩ Pháp đã vị người khác mà viết, thì tất phải nói đến những điều người ta thích xem thích biết, tức là tâm-lý con người ta.

* * *

1° Về phần « lời » thì văn-chương nước Pháp thật là sáng sủa dễ hiểu, không có tối tăm hàm hồ. Điều đó cũng do ở tính-cách cốt-yếu ta đã kể trên: Nhà làm văn đã cốt viết văn cho người khác đọc, tất phải làm thế nào cho người đọc dễ hiểu được văn mình. Bởi vậy lời văn bao giờ cũng phân minh rành-mạch. Ngay đến văn triết-học phải diễn giải những ý tưởng cao xa, thế mà các nhà triết-học nước Pháp vẫn giữ được lời văn sáng sủa dễ hiểu.

2° Các văn sĩ Pháp lại có tài *kết cấu*, nghĩa là sắp đặt các ý-từ đoạn-mạch có thứ-tự, khiến cho bài văn hay quyen chuyện có đầu có đuôi, làm cho người xem dễ hiểu các tình tiết trong chuyện hoặc các ý tưởng trong bài văn.

3° Văn-chương nước Pháp thường *trang nhã*. Nhà viết văn cũng như người nói chuyện, không những viết làm sao cho người ta dễ hiểu, lại còn làm cho

lời văn trang nhã, trái chuối, bóng bảy, khiến cho người xem được vui được thú, như người nói chuyện có duyên ai nghe cũng lấy làm thích vậy. Văn-sĩ Pháp thường chú trọng về sự lựa lời, chọn chữ, tránh những lời thô bỉ, những cách nặng nề, những bộ hợm - hĩnh là những điều người đọc không ưa.

Nhờ có những tính cách ấy nên văn - chương nước Pháp truyền - bá được xa : dù người nước nào hay thời-đại nào đọc đến các bản bi-kịch của ông RACINE, các bản hài-kịch của ông MOLIÈRE, các bài thơ ngụ-ngôn của ông LA FONTAINE hoặc các tiểu-thuyết của ông VOLTAIRE, cũng lấy làm vui thú, vì các tính tình ý tưởng diễn-đạt trong các áng văn ấy hợp cho cả mọi thời - đại và cả mọi người, chứ không riêng gì cho một dân-tộc Pháp và một thời đại nào trong lịch-sử nước Pháp vậy.

HẢI-LƯỢNG



BÌNH LUẬN THƠ CỔ

“**L**àm nên sự nghiệp dọc nghìn thu, ngang tám cõi, không bằng cái thú ngâm một câu thơ!” nhà thi-sĩ đã từng thưởng được cái thú vị vô cùng của câu thơ vậy. Và cái thú-vị đó, thực cũng phải là người giàu thi cảm, gần với cảnh thiên-nhiên, tâm hồn như cảm thông với cảnh vật nên thơ của Tạo hóa thì mới tìm thấy được. Người ta, khi thân thể mệt nhọc vì cuộc giành giật để sống còn, tất ai cũng muốn cho tâm hồn được có chỗ nghỉ ngơi, tất ai cũng muốn có những giờ phút thần tiên để sống trong cõi mộng tuyệt vời, để « mơ màng phảng phất với nữ thần thơ ».

Bọn ta, phần nhiều, không phải là thi-sĩ, không làm nên một bài thơ để ngâm nga được. Nhưng ta có thể đem thơ của người xưa ra mà ngâm ngợi. Thơ xưa là cái kho tình cảm rất phong phú, là cái của hương hỏa tinh thần rất quý báu của tiền nhân để lại mà bọn ta nay ai cũng đều được có phần và có quyền hưởng thụ.

Nhưng thơ xưa của ta ví cũng như những cái của báu tàng trữ đã lâu ngày, lớp lớp ngổn ngang, bề bộn chưa ai từng dọn dẹp thu xếp lại cho có trật tự phân minh, chưa ai từng đánh dấu để tên rõ ràng cho mỗi khi ta bước vô cửa viện « tàng-cổ thi » ấy mà nhìn nhận ngay được những viên trân châu bảo ngọc. Có dụng nhiều công phu, mất nhiều ngày giờ lắm mới tìm thấy được.

Trong viện chứa đồ báu cũ ấy, có nhiều hòn ngọc quý đẹp vô giá. Nhưng, cái sáng đẹp của những hòn ngọc ấy thì nhiều màu nhiều vẻ đẹp lắm, khách chơi ngọc tất phải biết cho rõ từng cái tính cách của mỗi vẻ mỗi màu mà thưởng ngoạn, thì sự thưởng ngoạn đó mới có nhiều thú-vị, chứ chỉ nghe người bảo là đẹp mà mình cũng kêu là đẹp thì còn thú vị gì. Duy ngọc, dầu đẹp thế nào, thỉnh

thoảng cũng có một đôi viên có vết. Sự dẫu đáng tiếc nhưng đó cũng là cái lẽ tự nhiên như thế, không tránh sao được. Vậy thì khách chơi ngọc, cầm hòn ngọc ngẫm nghĩa thường ngoạn, biết đó là hòn ngọc quý, lại biết cái quý cái đẹp là quý đẹp ở chỗ nào, cũng đã là hay lắm rồi, nhưng tìm cho biết được hòn ngọc kia có vết gì không, dẫu có một vết nhỏ cũng thấy mà biết được, như thế mới thực là tay chơi ngọc sành mà có biết chơi ngọc như thế mới phải là người chơi ngọc có tư cách.

* * *

Thơ xưa của ta cũng ví như những hòn ngọc ấy. Chơi ngọc là thế mà đọc thơ xưa cũng phải thế. Những bài thơ hay, hoàn toàn là một bài thơ tuyệt diệu, đã đành rồi, thì ta cũng phải tìm thấy cho biết cái tuyệt diệu nó ở chỗ nào; còn những bài thơ, kể được là thơ hay, nhưng chưa dám kể là bài thơ hoàn toàn tuyệt diệu thì ta cũng phải tìm biết cái dở của nó ở chỗ nào, chẳng phải là muốn để chỉ trích gì cở-nhân đâu, nhưng là muốn để đối với chỗ dở đó mà ngậm ngùi tiếc, như người chơi ngọc ngậm ngùi tiếc cho hòn ngọc có vết, có vết mà không sao chữa khỏi được.

* * *

Từ đây mỗi kỳ tôi lấy thơ xưa ra, giải thi một bài, văn thì đôi ba bài, giảng giải những chỗ hay, bày chỉ những chỗ dở. Một sự làm khó khăn và nguy hiểm như thế, tất có chỗ sai lầm, sự sai lầm không tránh khỏi, nhất là sự chép sai nguyên-cảo, vì thế nên tôi dám mong các bạn trong làng thơ ta, ai có thấy chỗ nào không phải thì nên vui lòng thiết bụng chỉ dạy cho, chẳng những tôi riêng cảm ơn các bạn mà bao nhiêu người được hưởng cái của « hương hỏa » của tiền nhân để lại đó cũng đều cảm ơn các bạn rất nhiều.

ĐÔNG-HỒ
(Hà-Tiên)

VĂN THƠ

THƠ VĂN CỔ

Thơ cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ

(Tiếp theo số 24)

XII. – CHƠI NÚI YÊN-LÃO

Nghêch mắt non xanh hừng chợt đầy,
Hồn chơi phơi phơi đã như bay.
Điêu hiu cảnh quanh đành nên thưởng,
Tí tẻo lòng trần vẫn chứa khuấy.
Người cũ xa - xăm thương bóng chéch,
Bước xa ngắt - ngưỡng ngại chân giầy.
Phen này sắp sửa đi chơi được,
Quan Ân người toan gửi áo đây (1).

XIII. – DIỄN NÔM BÀI THƠ CỦA QUAN VĂN. MINH NGUYỄN - TRỌNG - HỢP LÀM KHI LÊN CHƠI NÚI NGŨ - HÀNH LẦN THỨ HAI

Phần tôi ngần ấy độ xông pha,
Cởi giải (2) về nơi đội đức bà.
Tóc bạc phen này lần cửa đến,
Non xanh cảnh cũ nổi bài ra.
Mây chẳng cửa động gương giới biếc.
Giọt thấm lưng đèo sữa đá ra.
Ngánh lại khi thiêng đùn khi tốt
Nghìn từng mây biếc gửi lòng ta,
Lại 2 câu đầu : Lòng tôi mấy độ chán bốn ba,
Cởi giải nhờ vua được nghỉ nhà.

1) Khi ấy quan Bùi hẹn biếu một cái áo.

2) Cởi giải mũ cáo quan về nghỉ.

XIV. — THĂM QUAN HOÀNG GIÁP LIÊU

Tiếng gà bên gối té tè te,
 Bóng ác trông ra hé hé hề.
 Núi một hòn cao chon chót vót,
 Hoa trăm thức nở tõe tõe toe.
 Chim tìm bầu bạn kia kia kia,
 Ông nghĩa vua tôi nhè nhè nhe.
 Danh lợi chẳng hề tí tí tí,
 Ngủ trưa trưa dậy khỏe khỏe khoe.

XVI. — CÒ, TRAI (1).

Trai đâu chẳng biết tính con cò,
 Mày hớ hang chi nó mỗ cho.
 Vì bằng mu dày mà bít kín?
 Ất là mỗ nhọn phải treo khô.
 Hãy về bãi bể cho êm thắm,
 Mặc kệ bên sông nó gặt gù.
 Cò trắng dầu khôn đành gác mỗ,
 Trai già chờ lúc lại phơi mu.

NGUYỄN-KHẮC-HỒNG sao lục

THƠ VĂN KIM

Mặt biển xem trăng

Một khối đỏ hồng mọc dần dần từ đáy biển, muốn
 làn sóng bạc nhấp nhô tựa một lũ rắn bò. Chân trời
 mây nổi sắc, mặt nước ánh sóng sa; ngắm phong cảnh
 động lòng ta, hồn thơ lai láng nên và bốn câu:

Vằng vặc gương Nga rọi góc trời,
 Chì Hắc tha thướt nhớn như chơi.
 Chân trời thăm thẳm mây vàng chóa,
 Mặt biển mông mênh nước sáng ngời.

1) Làng Và có một mù đàn bà góa, giàu có và cứ
 thầy chánh tổng ở làng Sông nhân toan việc quan bắt nạt
 mù, ngờ đâu bị mù kiện cho mà phải thua.

Dưới nguyệt câu thơ ngâm vịnh thú,
 Trong bầu chén rượu truyện trò vui.
 Lưu-Thần, Nguyễn-Triệu nào đâu tá,
 Có lẽ Non Bồng cũng thế thôi.

DƯƠNG-ĐÌNH-TÂY

THƠ VINH BÀ TRUNG BÀ TRIỆU

Giang-san há chẳng phải việc đàn bà,
 Nữ kiệt nào ai dựng nước ta?
 Triệu-Âu dấu thơm còn chếp đề,
 Trưng-Vương chuyện cũ chưa bao xa.
 Liễu-đào chống vững chân thành quách,
 Sơn phần tỏ nên vẽ nước nhà.
 Nhấn nhủ chị em phượng ái quốc,
 Nữ đàn há để một Âu-Ba.

VÔ DANH THỊ

Nhấn ai Thanh-Hóa

(Câu hát vặt)

Ai vào nhấn gửi đôi lời,
 Nhấn người non nước hỏi người nước non.
 Nhấn xem non nước có còn...
 Nhấn trăng sông Mã rằng tròn hay vơi?
 Mây non Mọc mấy từng khơi?
 Nhấn rằng tình ấy đã vơi lệ này.
 Bên trời ai hỏi có hay,
 Nhấn cho ta biết rằng ngày nào ra.
 Hoa trôi, mây lẩn, trăng tà,
 Ai vui, ai để cho ta mang sầu.
 Ai vào ta nhấn đôi câu,
 Nhấn rằng tóc đã điểm màu hoa dâm.
 Nhấn ai vui thú non Sầm,
 Nhấn rằng tơ đứt mà tầm còn vương.
 Sầu ai giọt lệ như sương,
 Lệ ai như nước giòng Tương không bờ.

Ai đi ta vẫn ngồi chờ,
Nhấn ai, ai nhấn, bây giờ ai đâu ?

TRÀNG - KIỀU
(Nam-Định)

Quyết chí tu thân

Cuộc đời nắng nắng mưa mưa,
Quản bao đi sớm về trưa dãi dầu.
Thân mình nghĩ lại lo âu,
Mong sao tu tỉnh ngày sau nên người
Hai vai nặng gánh nợ đời,
Hiếu trung hai chữ bồi hồi lòng son.
Sao cho rạng vẻ nước non,
Nghìn năm bia đá hãy còn ghi tên.
Gắng công nhân nãi cho bền,
Ơn nhà nợ nước vẹn tuyền cả hai.
Nam nhi đáng mặt anh tài,
Hoàng-thiên đâu có phụ người hảo tâm.

Gái giang hồ

(Tập Kiều thi)

Sớm tối lân - la thú mận đào,
Bướm ong đưa đón khách ra vào.
Cành chim lá gió bao riu rập,
Quen nết đi rồi biết tính sao ?

Chu Hà LÃ-XUÂN-CHOÁT



VỀ BÀI
VINH CHINH-PHỤ



Trong bộ Văn đàn bảo-giám, quyển thứ ba (in lần thứ hai) có đăng bài thơ Chinh-phụ (cuối trang 14) cho là của ông Tú-Xương.

Bài thơ ấy như vầy :

*Lòng sông dài nguyệt bóng chênh-chênh,
Biết ngỏ cùng ai để tự-tình ?
Ngơ-ngẩn dạ tấm tơ rối khúc,
Vần-vơ hồn bướm suốt năm canh.
Sa trường chốn ấy chàng nghìn dặm,
Chiếc lẻ duyên đây thiếp một mình ;
Nhà cửa sự-tình bao-xiết kể !
Xa đưa mượn nhận nhãn Tây-thành !*

Bài thơ ấy không biết thật có phải của ông Tú - Xương không? Tôi hiện nay nghiên-cứu chưa ra. Song tôi nhớ đã đọc một lần trong báo Nam-Phong, nhưng nay tôi quên, không nhớ ở số nào.

X

Bài thơ ấy, chép như trên đó có sai đi một vài chữ. Xem ra thì không sai mấy chữ, song vài chữ ấy chính lại làm cho bài thơ mất đi hơn một nửa giá-trị của nó.

Mấy chữ ấy là :

« Lòng sông » (câu 1) : sai ; chính phải viết : « Sa song »
do câu : « Trong cửa này đã đành phận thiếp »

« Sớm lại chiều dòi-dối nường song »

« Suốt năm » (câu 4) : sai ; phải viết : « giấc thâu » vì
đối với chữ tơ rối (câu 3).

« Chàng » (câu 5) : sai ; phải viết : « thân »

« Xiết kể » (câu 7) : sai ; phải viết : « Kể xiết »

Cải-chính xong mấy chữ ấy, thì bài thơ Chinh-Phụ này trở nên một bài thơ câu-ký khéo léo vô cùng, vì là một bài thơ về lối thuận-ngịch đọc, mà lại là một bài hay nhất trong lối ấy. Ta hãy xem thì biết :

Chinh-Phụ (viết xuôi)

Sa song dải nguyệt bóng chênh chênh,
 Biết ngổ cùng ai để tự - tình.
 Ngơ - ngần dạ tấm tơ rối khúc,
 Vần - vơ hồn bướm giắc thâu canh;
 Sa trường chốn ấy thân ngàn dặm,
 Chiếc lẻ duyên đây thiếp một mình.
 Nhà cửa sự - tình bao kẻ - xiết!
 Xa đưa mượn nhận nhận Tây-thành.

Trong bài như thế, chỗ nào câu-cú và chữ nghĩa cũng đều đứng-dẫn cả, chẳng hề có ép buộc tí gì. Còn bài viết ngược thì cũng lại tài tình, chẳng kém phần nào.

Chinh-Phụ (viết ngược)

Thành Tây nhận nhận mượn đưa xa,
 Xiết kẻ bao tình sự cửa nhà!
 Mình một thiếp đây duyên lẻ chiếc,
 Dặm ngàn thân ấy chốn tràng - sa.
 Canh thâu giắc bướm hồn vơ - vần,
 Khúc rối tơ tấm dạ ngần - ngơ!
 Tình - tự để ai cùng ngổ biết,
 Chênh - chênh bóng nguyệt dải song - sa!

HỒNG-SƠN

CÓ NHIỀU ĐỌC - GIẢ

mới mua Văn-Học tỏ ý muốn có từ số đầu, vậy bản-chỉ xin trả lời chung rằng, trừ số 1 thì không còn, còn từ số 2, 3 mới in lại lần thứ hai. thì mỗi số còn độ vài ba chục quyển Ngài nào thuận lấy từ số 2, 3 đến nay, bản - chỉ mới có thể gửi được và sẽ tính trừ đi 15%, mà tiền cước gửi, về bản - chỉ chịu.

VĂN-THƠ VÀ KHOA-HỌC

HỒNG - ĐIỀU

Thường ngày chúng ta chỉ nghe thấy người ta nói giết nhau bằng thuốc độc, khoa học, chứ chưa nghe thấy ai nói giết nhau bằng tình cảm, văn thơ ! Thường ngày chúng ta chỉ đọc thấy trên các báo chí những biểu thống kê dài thườn thượt về binh khí của các nước và những lời phê bình về chiến-tranh, chứ ít khi thấy đem phổ bày những văn - khố thơ viện của thế giới và bình luận về văn chương. Chúng ta chỉ nghe thấy tiếng máy quay ầm ầm, tiếng súng nổ liên thanh cùng tiếng kêu-hò inh-ỏi bên tai, rồi trí tưởng tượng sẽ dự dịch ra một cảnh tượng thảm khốc gớm ghê : máu sông xương núi, kẻ gây chân, người vỡ sọ tàng tật suốt đời, chứ không nghe thấy những tiếng du dương êm ái mà tưởng tượng ra một cuộc đời thanh thú, một thế giới hòa bình !

Hoàn cảnh đã hỗn loạn như thế, cảnh ngộ lại khắt khe eo hẹp, các điều kiện của đời sinh hoạt lại càng phức tạp phiền toái thêm ! Suốt ngày, ta chỉ vận động trong trường vật chất, chen chúc tranh dành nhau về danh lợi, chìm đắm say mê trong vòng nhục dục, lỡ khi lao phổi, nhức óc... ta uống một liều can min (calmine, thứ thuốc trị bệnh đau đầu) hay trích một phát thuốc Calmette (thứ thuốc đề phòng bệnh lao của Bác sĩ Calmette) tức thì bệnh trạng thuyên giảm rồi ta thấy văn-thơ vô hiệu nghiệm đối với các bệnh thiên thời, bội thực ! ... v. v. Mà cũng chẳng bao giờ ta nghĩ đến văn-thơ, vì tâm trí có bao giờ được bình tĩnh, thư nhàn !

Ta đi ? — Ta muốn mau ! Đường dài hàng trăm cây số, ta chỉ muốn đi độ vài giờ mà trước kia ông cha ta phải đi hàng ngày, hàng tháng !

Cái thái độ thung dung hòa bình, thi vị đã mất rồi, thì hồn thơ còn đâu trong tâm tưởng ? Nhứt nhứt, ta

làm cái gì cũng muốn như cướp, như nuốt, như chạy, như bay... thì còn giây phút nào mà thông thả, còn ngày giờ nào mà thưởng thức đến cái thung dung, hòa bình, thi vị ???

Ta chỉ say mê ham muốn, khen lao chuối hột soạn trau chuốt khéo hay bộ áo rất nều, chứ ít khi ta say mê ham muốn, cảm yêu cái miệng cười hàm tiếu, cái tay trắng nõn nà mềm mại, hay cái tính tình thanh nhã cùng quả tim hàm súc máu thơ! Than ôi! đời như thế, người đời lại cũng như thế, mà nói đến văn thơ thời bây giờ chẳng khỏi không có kẻ mắng mình là đồ nhu nhược muốn lời nhân loại về đời thượng-cổ già man! - Không! Không phải thế! Nhân loại cứ tiến, kẻ viết bài này cũng cứ tiến! cứ tiến theo luật sinh tồn cạnh tranh cho đến khi thật là hoàn toàn sung-sướng! Khoa học cứ tiến! cứ tiến mãi vào cõi chân-lý; cho đến khi nhân sinh vũ trụ không còn điều gì bí ẩn!

Bởi vậy, tôi có nói đến văn thơ hiện thời là chỉ hoài bão cho thơ cộng tác với khoa học, giúp sức vào với khoa học để giải quyết những cái «ca» mà một mình khoa học lấy làm khó khăn giải quyết và trong những giờ thí nghiệm rất gian nan mà khoa học nhiều khi đã sắp thoái bộ cùng trong những giờ giải phẫu một vật quá ư tinh tế mà kính hiển vi, giao độn, kim, kéo v. v., đều vô hiệu lực như văn thơ đã vô ích trong công việc nguy hiểm, thánh thần của khoa học.

Vậy thì văn thơ có thật đã vô dụng như người ta thường lầm tưởng chẳng? văn thơ không có một địa vị cao quý tôn trọng trong đời khoa học ư? Văn thơ không đáng cho ta sùng thượng hâm mộ như một vị bác-sĩ ư?

Người ta chẳng những cần phải có cái thể chất tráng kiện mà cũng cần phải có cái linh hồn thanh cao. Người ta chẳng những cần phải cho no ấm phần xác thịt mà cũng cần phải cho thư thái phần tâm giới. Nếu trong

một người mà thiếu đi mất một điều trong hai điều đó, thì cũng chẳng khác gì người tàng tật mất một chi thể của mình, nếu cả một quần chúng đều như thế, thì quốc dân ấy sẽ trở nên ô trọc mà có ngày truy lạc!

Muốn cho có cái thể chất tráng kiện thì khoa học phải cần và muốn cho cái linh hồn trong sạch thì văn thơ không phải không quý. Cho nên, dầu người ta có sung túc về đường vật chất mà cũng phải nhiều khi cần có một vài giờ tâm niệm, bình tĩnh, thanh thản để cho linh hồn được tiêu dao vào cõi đẹp. Cái « cõi đẹp » đó là cơn gió mát, giòng nước chong, là bóng trắng thanh, là mùi thơm hoa cỏ... là tiếng đàn khoan nhặt, là giọng cười ròn rã, con mắt tinh tú mơ màng... Ai bảo đó không phải là văn thơ? — Tôi nghi người ấy đã mất hết thiên lương! — « Eureka! Eureka! nghĩa là: « Ta tìm thấy rồi đây, ta tìm thấy rồi đây! » câu reo hò hoan hỉ xuất ở miệng một nhà bác học nọ khi đã tìm ra được một điều chân lý của khoa học, tưởng không mấy người là không còn nhớ, mà tự phán đoán nỗi vui mừng của nhà khoa học ấy phát sinh ra bởi nguồn nào? Cũng có kẻ bảo ở cái « hứng thú khoa học » mà ra, còn như tôi, tôi dám nhận công cho « cảm hứng của thơ », chỉ vì người ta quá mê say vào thực sự, vào những nguyên tắc của khoa học nó che lấp mất cái « ánh sáng » của tâm nhãn thì cảm vậy.

Đã đành rằng muốn cho dân giàu, nước mạnh phải nhờ ở khoa-học, kỹ-nghệ, nhưng muốn cho dân-trí được mở-mang, dân-tâm được sáng-khoái, sung sướng an nhàn cái hạnh phúc về tinh thần thì cũng cần phải nhờ ở đạo lý văn chương. Lớn như phương diện chính trị, ngoài việc giữ gìn bờ cõi quốc gia bằng pháo đài, phi cơ, thuốc ngạt v. v. các nước còn phải nhờ đến những tay thuyết khách như quan quá cố Aristide Briand tác - giả chủ nghĩa hòa bình — ông Roosevelt, chẳng hạn, thì tài thuyết lý không phải là

tài văn chương ư, cái óc ư hòa bình thân ái, ư mưu cầu hạnh phúc cho quốc dân không phải là cái óc của con nhà văn thơ, ư ???

Lại như nước ta, đức Trần-hưng-Đạo là một đấng anh quân, văn võ toàn tài, sao không lấy mũi gươm, viên đạn, sản vật của khoa học mà sai khiến đám ba quân, lại phải cần nạo óc moi lòng viết ra bài Hịch tướng sĩ — là sản vật của văn thơ — để khích lệ cảm hóa nhân tâm ? lại bài quốc ca của Pháp có thể lực gì trong đám binh nhung ??? Ôi ! công dụng của văn thơ thần diệu biết mấy, hiệu quả của văn thơ lớn lao biết bao ! Khi ầm ầm như trăm binh nghìn tướng không bằng, khi gắt gao hơn bánh xe quay trên con đường sắt, khi phảng phất ngạt ngào hơn mùi rượu mạnh, khi du dương thấm thía hơn chất « éther ».

Nếu khoa học có tài thay được bình diện địa - cầu, thì văn thơ cũng có thể chuyển đi được nhân tâm thế đạo. Nhân loại càng văn minh, nhân tâm càng ần khúc, nếu không có gì ngăn ngừa, cảnh tỉnh, giáo hóa cho người ta, thì đời người chỉ là một cuộc hỗn độn, 1 hung dữ. Đã có pháp luật ! Phải, đã có pháp luật giúp sức vào với khoa học mà chế ra hình pháp để giết chết một đồng nhân loại phi nghĩa ấy đi ! Nhưng... pháp luật và khoa học sẽ không có quyền kêu án gia-hình một số nhân loại mà « một thủ đoạn » ghê gớm, còn dự định trong tâm trí chúng, chưa có cơ hội thực hành tiết lộ ra thì :

« Con ơi, nghe lấy lời cha,

Làm người có nghĩa mới ra thân người ».

Một câu phong dao tục ngữ, lời lẽ tuy chất phác mà trong đó ngụ một bài luân lý rất thiết thực rất thâm trầm. Còn biết bao nhiêu điều văn vẻ nghĩa lý cao xa đọc lên nghe như bài kinh thánh ; tiếng chuông chùa làm cho người ta phải tin ngưỡng, phải sùng mộ, phải cảm động, phải phục tòng !!

Huống hồ, còn những cái tinh vi huyền diệu mà nhà khoa học không khám phá ra được, mà nhà văn sĩ chỉ coi văn lý đoán người, biết được tư tưởng tinh tình, biết được những sở nguyện hồn hăm trong tâm khảm, biết được ý chí uẩn súc trong linh hồn :

*« Làm trai quyết chí tu thân,
Cống danh chớ vội, nợ nần chớ lo ! »*

Nhà khoa học thử đem khoa giải-phẫu, đem khoa hóa-học ra mà phân tích, lựa lọc hai câu ca dao đó liệu có đoán được tác giả của nó quyết định gì chẳng, liệu có thể biết dân tình, phong tục của một dân tộc chẳng ???

Cùng một mục đích mưu cầu hạnh phúc cho loài người, khoa học đưa ta vào con đường chân lý thực tế, văn thơ đưa ta vào con đường chân lý tình cảm. Nhà khoa học cho ta thấy những sự huyền bí của thế giới thể-chất, nhà văn - sĩ cho ta hay những con đường u-uẩn của tâm-lý, những mạch máu vô hình vô sắc của tình-cảm, những chuyện ly-kỳ của thế-giới thanh-không!

Cái hiệu-lực của một chất toan (acide) mau chóng chừng nào, thì cái hiệu-quả của « tình-cảm » chậm-chạp nhưng chắc-chắn chừng nấy. Một mũi thuốc độc làm cho ta chết ngay, chứ mũi tên « thất vọng » làm cho ta chết mòn, chết mãi ! . . .

Nhà bác-sĩ đem khoa giải-phẫu của khoa-học mà phân tích được tâm-can, đem kính hiển-vi khám-phá được hình-thể con vi-trùng ẩn núp trong một tế bào liệt nhược, chứ không có thể mong được kết quả hay của cái phương pháp ấy, ứng dụng vào chỗ « thất tình », chỗ đau đớn của tâm tưởng, chỗ xót xa của tâm hồn ! Nhà khoa học sẽ khoanh tay lắc đầu đứng trước bệnh nhân đau trong tâm khảm... đau vì nỗi :

« Ai bày trò bãi bể nương-dâu ?

hay buồn vì nỗi : *« Mặc sầu tiền - lộ vô tri - kỷ !*

hoặc khổ vì lẽ : *« Người đâu gặp gỡ làm chi ? »* Trước cảnh nguy cấp đó, thì nhà văn-sĩ sẽ cất cái giọng

rất tiêu tao mà ngấm lên một câu rất nảo nùng cho nó chìm sâu tán-mạn vào cõi hư không. Thì một « nụ cười » tươi đẹp, đôi con mắt mơ màng tình tứ, đôi bàn tay nõn nà mềm mại sẽ là những vị linh dược mà bệnh nhân vừa mới uống đó, đã vừa khỏi đó :

*« Rằng : từ ngẫu nhĩ gặp nhau,
Thăm trông trộm nhớ bấy lâu đã chồn ».*

Bà Curie kia (vợ ông Curie là nhà phát - minh ra chất quang tuyến) dám hy-sinh cho khoa-học mà không dám hy sinh cho ái tình (vì phu quân bà đã quá cố), chứ anh chàng si tình Mộng-Hà này lại dám liều đời cho cô Lê-Ảnh trong truyện Ngọc-Lê-Hồn của Từ-trâm-Á vậy.

*« Buồn thay Nam Bắc phân kỳ,
Hoa trôi nước ngược, kẻ đi người về.
Ngồn ngang cảnh nọ tình kia,
Con đường tiễn biệt khi về buồn tênh ! »*

Ôi ! thật là thần tiên, thật là huyền bí thay, « thơ » với « thần » « mơ » với « màng » !

Trong đời người còn biết bao nhiêu sự u ầu mà khoa học chưa tìm ra nguồn cội, còn biết bao nhiêu điều kỳ vọng hàm súc trong tâm trí mà khoa học không tài gì làm cho thỏa mãn được ! Nói ngay như cái bệnh tương tư — tâm bệnh — tôi cho là bệnh tình cảm — thì có linh đơn nào chữa khỏi, phi cái miệng cười tươi tỉnh, tiếng nói thanh thanh êm ái — tôi cho là những nguyên liệu của thơ văn — thì nhà bác sĩ đành khoanh tay chịu vậy !

Ấy, đại khái cái kết quả của văn thơ trong đời sinh tồn là thế, có gì văn thơ lại không có một địa vị cao sang ngang hàng với khoa học ! Huống hồ trong cái phần thưởng của thế giới đặt ra như phần thưởng Nobel chẳng hạn, văn thơ cũng có một phần — mà phần ấy đã về tay một nhà đại thi - hào Ấn - Độ Rabindranath Tagore, thì không phải là cái vinh diệu chung cho làng văn thơ ư, cho văn thơ ư ???

Nói tóm lại, khoa học đưa nhân loại vào thế giới văn minh vật chất, mà văn thơ đưa nhân loại đến thế giới văn minh tinh thần, tôi đem câu ấy để kết luận; và trước khi hạ bút, tôi xin lỗi nhà khoa học nếu đã có điều gì sơ xuất trong khi thảo bút, cùng nhắc nhở những ai đã say mê vào đường nhục dục nên đọc luôn câu thơ sau đây, nếu cho lời tôi là nguy hiểm :

*Dưới cầu nước chảy trong veo,
Trên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

HỒNG-ĐIỀU — SOAIRIENG



DỊCH PHÁP-VĂN

La fleur et la vie

Fleur mourante et solitaire,
Qui parfume le vallon ;
Tes débris jonchent la terre,
Dispersés par l'aquilon.

La même faux nous moissonne,
Nous cédon's au même Dieu,
Quelle est la plus éphémère,
De la vie ou de la fleur ? ? ?

MILLEVOYE (1782-1816)

Bông hoa và đời người

Hoa kia thơm nức một vùng,
Phút đã héo rụng nào nùng ai
hay.

Nhị dài rắc khắp đó đây,
Dần dần theo ngọn gió bay tan
tành.

Ấy hoa thác cũng như tình,
Nở tàn âu cũng phó đành
khôn xanh.

Kiếp này là kiếp mong manh
Hong nhan phận đó hay rành
đóa hoa ? ? ?

P. L.

MỘT NHÀ VĂN SĨ Ở THẦN KINH

ở chốn đẽ-đò, giữa nơi sông Hương núi Ngự, mà nhắc đến tên cụ Hường Lục-Khanh thì ai lại không biết! Cụ là con thứ 18 đức ông Tuy-Lý Vương, cháu đức Minh-Mạng.

Cụ làm quan đến tham-tri thì về trí-sĩ, ngày còn tại chức, khi ra Quảng-trị, lúc vào Quảng-Nam lại có phen vào Bình-Thuận, mà cụ không khi nào quên chơi cùng văn-thơ, phú họa.

Thơ họa của cụ thì ai xem đến cũng phải khen ngợi. Một chứng cớ : quan Quận-công Nguyễn-hữu-Bài nhân làm bài thơ lấy vận *chìu* cho khó, có biết bao nhiêu văn nhân mặc khách họa, mà chỉ có bài họa của cụ là tuyệt diệu :

« Nói phải, người khôn cũng phải *chìu*,
« Tiếng lành đồn khắp há *chìu* *chìu*.
« Lắm đền nợ nước ba đường nghĩa,
« Dốc trả ơn trời một gánh *tiu*.
« Lũng lảng khuyên ngon rồi *đỗ* ngọt,
« Lăn hồi gỡ khúc lại *phăng* khiu.
« Mấy ai tỏ dạng lòng trung khôn,
« Lửa đỏ dưng chờ ngọn lửa *riu*.

Bài thơ này làm về hồi đức Duy-Tân xuống tàu qua đảo Réunion. Lúc ấy nhà nước bảo - hộ muốn lập ông Trương-như-Cương làm như chức giám-quốc vậy nhưng có quan Quận-công can dân quan Khâm-sứ nhiều phen nên nhà nước bảo hộ mới nghe.

Cụ Hường Lục-Khanh hiện nay 86 tuổi mà vẫn còn khỏe. Cụ vui thú điền viên đã hơn 30 năm nay, nên ngoài sự làm thơ viết sách để khuyên lơn kẻ hậu-sinh như quyển *khuyến-hiếu-ca*, *ngũ-luân vân*, vân, thì cụ chỉ xem sách chữ Hán, pho này sang pho khác, ngâm nga suốt ngày, chiều chiều cụ đi dạo xem phong cảnh thật là an nhàn vui vẻ. Cụ cũng là người lịch duyệt : khi nào cũng nhắc lại

địa-dư các nước, và sử ký Nam-Việt. Cụ có làm về sử ký mấy quyển Việt-Sử diễn nghĩa tứ tự ca, Cao Hoàng đính danh ca ».

Thơ văn của cụ thật là nhiều mà bài nào cũng có ý nghĩa sâu xa châu đáo. Như bài cụ đã tự thuật, năm cụ 72 tuổi:

« Tuổi trên kỳ lão tác chưa già,
 « Vu-thước tài hèn thọ mãi mà.
 « Ra rạp niều nôi hơn chục chú,
 « Vào buồn Nam-khách chĩnh đôi ta.
 « Ăn no mặc ấm nhờ ơn nước,
 « Nấu sử xôi kinh vẫn thói nhà.
 « Hễ ở lòng lành, lành ắt thấy:
 « Thấy trai làm cụ, gái làm bà.

Cụ ví cụ như cây vu-thước, tài ít nên sống lâu, rồi cụ nhắc đến lời xưa cụ xuất chính cùng anh em hơn 10 người. Trên trường danh lợi thật là lêu lổng như hát niều hát nôi là điệu hát của đào điên giả dại. Lại « hát nam hát khách » xong thì vào buồn tức là về hưu: cụ ví đời cụ làm quan như một anh hề anh hát thôi. Khi về thì chỉ có cụ cùng người anh là cụ Lạc-Tĩnh Hiệp-tá đại học sĩ. Về hưu rồi cụ lại hơi tự đắc một chút: « Hễ ở lòng lành, lành ắt thấy », Thấy trai làm cụ, gái làm bà ». Cụ vẫn biết làm lành, ở lành thì khi nào cũng thấy đều lành, mà đều lành của cụ lại là: trai làm quan lớn, gái làm bà lớn. Mà thật: 2 người con gái đầu đều là bà lớn mà 2 ông con sau đều là 2 cụ hiện thời đã làm thủ hiến tỉnh Quảng-Trị và Thừa-Thiên.

THỨC-ĐOAN



CÙNG ÔNG CHẮT - HẰNG VỀ BÀI NGHỀ VĂN SĨ



Ông Chắt-Hằng nói rằng :
« ở xã-hội Việt-Nam không
bao giờ có nghề văn-sĩ, thi-
sĩ cả. » Quả thế thật. Nhưng
ông nói vì công chúng eo
hẹp không mua sách để nuôi
sống nhà văn thì tôi quyết
là không phải.

Công chúng Việt-Nam xa
xỉ lắm chớ : mỗi một gánh
tuồng hay bọn xiếc có tiếng,
bê qua Hà-Thành, hay các
tỉnh, dù vé có cao chẳng
nữa, cũng thu vét được bao
nhiều là tiền của khán-giả
Việt-Nam, dù gặp cái lúc
kinh-tế khó khăn này cũng
vậy.

Thế thì vì lẽ gì ? Tôi xin
quyết rằng vì không làm
được nghề ; nếu cố gượng
làm nghề thì rồi nghề cũng
không lành. Không những
ở nước ta thế, dẫu ở bên
Pháp cũng lắm người vậy.
Chắc ông Chắt-Hằng cũng
đọc cuốn « Le Petit Chose »
của Alphonse Daudet rồi
đấy : trong cuốn ấy tác-giả
chả thuật một chàng xuất

bản một tập văn, về sau chỉ
bán được có một quyển là
gì ?

Lại trong cuốn « L'écri-
vain », thuộc vào tùng thư
« Les caractères de ce temps »
của nhà Hachette xuất bản,
— tùng thư ấy bắt chước
cuốn « Les caractères » của
La Bruyère—tác-giả đại khái
nói : không ai có thể định
trước rằng về sau ta sẽ làm
nghề văn-sĩ được ; muốn
làm nghề văn-sĩ thì thế nào
cũng phải tìm một « nghề
thứ hai » (second métier) cho
chắc chắn đã : nếu cứ giữ
riêng nghề văn sĩ thì khốn.

Vả lại sự thực cũng chứng
cho ta rõ : những nhà thi-
sĩ Verlaine với Baudelaire
chả khốn nạn xuất đời là
gì ? Tôi cho hai ông ấy là
hai ông Tú - Xương ở nước
Pháp.

Được phú quý như Victor
Hugo chắc là phải có đại
tài hơn nhiều.

Những nhà văn-sĩ nước
Nam đã không bằng những

nhà văn sĩ « non » ở các nước, quảng cáo đã ít, sách lại đắt, nên người mua thất vọng, thì làm sao có nghề văn được ?

Vậy nước Nam ta không có nghề văn sĩ, thi-sĩ là vì không có nhân tài.

Nước Nam ta không có nghề văn-sĩ, thi-sĩ, ông phản nản cũng phải. Ông lại nói rằng nếu có thì rất lợi...

« Nhưng làm thế nào cho những văn-sĩ và thi-sĩ có thể sống bằng cái nghề của họ ? » Đó là câu hỏi của ông Chắt Hăng ở cuối bài « Nghề văn sĩ ».

Tôi xin giả lời trước họ ông : Muốn cho những văn-sĩ và thi sĩ có thể sống bằng cái nghề của họ được, thì ta phải góp tiền nhau rước một ông thầy địa lý chính tông bên Tàu tìm cho mười ngôi huyệt có bút thật to gài tai, mà không cần có cờ trống giàn mặt gì cả, nếu có lại thành ra nhà văn không chuyên nghiệp như các cụ ta trước mắt, rồi ta rút thăm

ai được thì mang hài cốt gia tiên đến để. Tất về sau đất kết, phát ra những bậc đại tài, vừa xuất chúng, vừa cái thế.

Tài ấy có rồi thì cứ viết văn, viết thơ. Văn thơ tất khác thường, khách đến mua tất đông hơn khán giả gánh hát hoặc bọn xiếc. Tiếng tăm tất lừng lẫy, người ngoại quốc biết tiếng tất đua nhau mà dịch. Những thu được cái tiền bán sách với tiền cho quyền dịch cũng đã to không biết chừng nào rồi ; lại còn những giải thưởng ketch sù như giải Nobel nữa, chẳng mấy lúc mà có hàng triệu. Như thế thì cái nghề của họ làm gì chẳng nuôi sống được họ ?

Bấy giờ văn chương nước nhà phát triển vô cùng, mà kết quả to không biết bao nhiêu mà kể.

Ấy tôi nghĩ chỉ có cách ấy thôi. Bằng nếu chính bọn các ông chính tông bên Tàu cũng muốn làm cho nước họ có nhiều

nhân tài cho quốc văn họ phát triển, cho nước họ khỏi lạc đực như ngày nay, mà đành phải bó tay, vô kế khả thi, thì ta cũng đến chịu thôi, không còn cách nào nữa.

Đã không được thế thì cho dẫu Mécène là người có thể lực hay trợ cấp cho văn-sĩ, thi sĩ, và nghệ sĩ có tài sinh ở nước Nam ta nữa, cũng không làm thế nào được, vì nếu các ông

«sĩ» đã không có tài thì càng được trợ cấp, càng ung dung, hẳn không đi (1) mà đặt giải thưởng thì chỉ này «quả dưa đỏ» là cùng.

Vậy như thế thì cái nghề văn sĩ và thi sĩ xin đề đến tương lai, may ra có phát sinh được một ông Victor Hugo, ông Charles Dickens, ông Goethe thì mới nói chuyện được.

BÙI-TIẾN RĨNH

1) Không phải nói ngoa, vì sợ bài giải quá, tôi không muốn thí dụ.



HỘP THƯ

Ông Thư, Séminaire Phức-Nhạc. — Nhờ ngài yêu cầu, tiếc rằng chúng tôi không thể chiều ý được. Còn bộ Hán-Việt-Pháp từ điển vì chúng tôi nghĩ nên in thành sách thì mới có ích chứ báo ra mỗi tháng hai kỳ, nếu cứ đăng vào báo e lâu lắm không tiện cho các đọc giả. Bởi vậy chúng tôi đã đình đăng bộ ấy trong tạp-chí.

Ông Phan-văn-Hàn, Hué. — Quyền C. V. N. B. nếu ông đã có rồi xin ông lựa lấy vài quyền khác của Đông Tây ấn-quán xuất bản mà ngang số tiền như thế cũng được chứ quyền H. V. T. N. hiện ở Bản-chỉ không có.

Ông Ngô-văn-Nghị, Hà-Tiên. — Về hạn báo trước của ngài còn thiếu 1\$00 (Vì Ngài mới trả có 3\$00) xin Ngài gửi trả nốt cho. Về hạn báo năm sau 3\$ Ngài gửi ra trả chúng tôi đã tiếp được.

Ông Lê-nguyên-Hanh, Thanh-hóa. — Vì Ngài là đọc-giả của Văn-Học nên xin chiều ý Ngài.

Người yêu quốc văn cần viết đúng chữ quốc-ngữ

Về vấn đề *Viết quốc ngữ cho đúng*, bản - chỉ hằng lun tâm đến. Những bài bàn về vấn đề này của ông Trục-Viên PHẠM-VĂN-NGHI đăng ở số 11 và của ông THỨC-DẬT đăng ở số 13 đều có nhiều ý tưởng sắc đáng. Nay bản-chỉ lại tiếp được bài này xin vui lòng cho in dưới đây để các đọc-giả suy xét.

X

Lắm ông viết văn thật bạt mạng. Nếu nhắc các ông nên thận-trọng trong khi viết văn hay nói cho rõ hơn là viết chữ quốc-ngữ cho đúng thì các ông đã không nghe còn trả lời một cách ngạo ngược như vậy: « Chúng tôi viết văn chỉ trọng ở lý-tưởng, cốt người đọc hiểu chúng tôi muốn nói gì là đủ ».

Tưởng có bắt bẻ, giảng giải lẽ thiệt hơn với họ cũng chẳng ăn thua gì!

Ông Phan-Khôi là người khởi - xướng ra vấn-đề cần phải viết chữ quốc-ngữ cho đúng, hồi ông còn ở trong Nam, nay ra ngoài Bắc chắc chẳng thiếu gì cơ hội đem đến cho ông sự tức mình mỗi lần ông đọc phải những bài báo của các vị tác-giả quý-tử viết bạt mạng chẳng phân biệt chỗ nào đáng dùng *tr* với *ch*, *d* với *r*, và không có *g* với có *g*.

Nếu ông còn có lòng muốn bài trừ cái nạn tệ hại đó, thì rồi đây sao ta chẳng có dịp thấy bài của ông viết trong báo Phụ-Nữ Thời-đàm (hiện ông là chủ-bút) nhắc lại vấn đề ông đã bàn ở trong Nam. Ông đừng tưởng nói đi nhắc lại là nhàm mà bỏ qua.

Ngày giờ nào các bạn làng văn (bất luận là Trung, Nam hay Bắc) còn chưa biết thận trọng ngòi viết thì sự ông buộc phải viết chữ Quốc-ngữ cho đúng còn là vấn đề cần ích và thích thời Tôi còn nhớ trong bài báo của ông viết ở Phụ-Nữ trong Nam năm

xưa có một đoạn vừa có tánh cách khôi hài, vừa có ý buộc gắt gao (nếu không buộc cũng không được) Ông nói gì trong đoạn ấy? Ông khuyên các bạn gái nếu tiếp được những bức thư của cậu nào (một là chồng, hai là tình-nhơn) dù viết khôn khéo ý tứ văn chương cho mấy mà còn vô số những lỗi, viết không đúng tiếng (*fautes d'orthographe*) thì đừng thêm trả lời nữa, cứ cho vô sọt rác, hoặc nếu muốn trả lời thì chỉ gạch đi những chữ viết sai ở trong thư rồi phê lên trên đầu bức thư một câu này « Ngài hãy chịu phiền mở Tự-vị Trương-vĩnh-Kỷ coi những chữ Ngài viết mà tôi buộc phải gạch đi dưới đây có đúng không? Lần sau, Ngài muốn tôi trả lời xin thành thật có lời khuyên ngài trước hãy lo viết cho đúng chữ ».

Theo ý ông Khôi, nếu lời khuyên của ông được các chị em trong nước nghe theo thì cái nạn viết chữ bát mạng của thanh-niên Nam-Việt mới mong bài trừ được... Vì chỉ có chị em mới có đủ tư cách tài năng tri dùm cái tệ bịnh cho bọn viết văn cứng đầu... Thế-lực của phụ-nữ đem ứng-dụng vào việc gì mà chẳng thấy sự hiệu-nghiệm? Bạn trai với bạn gái khuyên nhau nào có mấy ai chịu nghe, cứ đợi cho mấy cô bạn gái nhan sắc lên tiếng oanh thoả thẽ thì mới chịu!

Nghĩ cái tánh « lờ ờ nặng » của bạn đàn ông mình (không riêng gì một nước ta) cũng có chỗ đáng mua cười...

Bạn viết văn bát mạng họ thường viện lẽ mẹo luật chưa có (không lấy gì làm mực thước) thì chưa cần phải viết đúng chữ... thật là lý sự cùng Đợi cho có mẹo luật mới chịu viết đúng, thế thì lương năng lương tri để đâu ???

Người đã thiếu lương năng, lương tri thì dầu cho một ngày kia hội Hàn lâm có thành lập (có sách phép viết văn ra đời) họ cũng chẳng thêm kể!

Đang lúc trong nước chưa có hội Hàn-lâm lựa người có đủ tư cách (ít ra cũng 3 người, mỗi người làm đại-biểu cho

một xứ : Bắc, Trung, Nam) đởm đương việc làm sách Mèo, chỉ rõ chữ nào nên dùng và chữ nào không nên dùng thì những người bấy lâu quen tánh viết bặt mạng, nếu không phải là người hẹp lượng sẽ vui lòng cho tôi đem tự-vị Trương-vĩnh-Ký dùng vào việc so sánh cho họ thấy những chữ họ viết sai . . .

Nếu những người đó lại là người viết báo hoặc viết sách thì sự tra tự vị T. V. K. mỗi lần họ gặp chữ viết chưa được chắc ý, không phải là việc họ có thể coi thường được.

Phận sự và trách nhiệm nhà văn đề đâu ! ? !

Mỗi chữ của các ngài viết in trên mặt báo và sách là một mũi tên đã bắn như đóng đinh vào bia, không thể rút ra được. Trước khi giương cung bắn, người bắn còn biết tiếc mũi tên không thể nhắm mắt bắn liều, thì các ngài lẽ nào lại chẳng biết tiếc cái công viết.

Nếu tiếc thì trước khi viết, xin các ngài hãy suy nghĩ và cân nhắc từng chữ. Tôi mong có sự suy nghĩ của các Ngài..

Một người yêu Quốc-Văn
YÊN-SƠN (Giadinh)

VUI CƯỜI

Mỹ-nhân

Một ông quan có một cái tranh mỹ-nhân. Nhân có một lũ học trò đến hầu, ông liền bảo rằng ai đề vào tranh ấy cho ông hai câu Kiều lấy thật hay thì ông sẽ thưởng một nén vàng. Một người trong bọn ấy đứng lên thưa rằng có thể đề được, nhưng trước khi đề xin hãy cho

cầm lấy nén vàng giắt vào thắt lưng đã. Quan bằng lòng cho được như ý. Anh ta liền cầm bút thảo vào trong tranh hai câu rằng :

Rõ ràng trong ngọc trắng
ngà,

Quan trên trông xuống,
người ta trông vào.

Quan phải chịu rằng hay mà cả bọn ai cũng tấm tắc khen. BÙI-TIẾN-RĨNH thuật

BÀI TỰ TÌNH

của ông Cao - Bá - Nha

(Tiếp theo số 26)

III. — Gia biến

Vườn Lý-Bạch (41) chưa vui đào mạn (42),

Nhà Tử-Văn (43) nổi trận phong ba (44).

Thương ôi ! hảo sự tiêu ma (45) !

Tấm lòng băng tuyết phút hòa trần ai (46).

Mảnh bạch-ngọc (?) thiên người khách-tử,

Lưỡi đoản đao (47) cắt chữ phù sinh (48).

Nhân gian ai kẻ thương tình,

Trăm năm công luận phẩm - bình về sau.

Nỗi gia thất (49) mặc dầu tạo hóa,

(41-42) *Lý-Bạch* : một nhà thi hào đời Đường bên Tàu, có làm bài tựa một bữa yến-hội, trong bài tựa có câu : « hội đào lý chi phương viên, tự thiên luân chi lạc sự » nghĩa là họp nhau ở cái vườn thơm đào mạn, tỏ bày cái sự vui trong chỗ anh em. Câu này ý nói trong nhà chưa vui sum họp được bao lâu.

(43) *Tử-Văn* là quan nước Sở về đời Xuân-thu bên Tàu, bị tội, cả nhà cùng mắc nạn.

(44) *Phong ba* : gió và sóng. Nghĩa bóng là hoạn nạn.

(45) *Hảo sự tiêu ma* : Sự hay, sự lành biến mất cả. ý nói : cảnh yên vui đổi làm cảnh khổ sở.

(46) *Băng tuyết* là hai chất trong và sạch ; *trần ai* là bụi bậm. Cả câu ý nói : tấm lòng trong sạch như băng như tuyết mà mắc phải tiếng oan như nhuộm như bụi bậm.

(47) *Đoản đao* : con dao ngắn.

(48) *Phù-sinh* : phù : nổi ; sinh : sống. Cuộc sống của người ta ngắn-ngủi bấp-bênh như một vật nổi lênh-dênh trên mặt nước.

(49) *Gia-thất* : Nhà cửa. *Nỗi gia thất* : tình cảnh trong nhà,

Đàn nhi tôn (50) gửi cả nhân gian.
 Ôn sâu dám quản thân tàn,
 Còn mong gò cáo (51) hồn oan lại về.
 Binh dẫu phá còn lẽ cốt-cách,
 Gương dù tan vẫn sạch trần-ai.
 Thương thay một khóm hàn mai (52),
 Hai cành ấm lạnh ra hai tấm lòng.
 Giấc vinh nhục, sinh không một thoảng,
 Bia thị phi (53), đề tác còn dài.
 Thế gian kẻ khóc người cười,
 Muôn đời đề sạch, muôn đời đề dơ.
 Cuộc phù-thế (54) thờ ơ mệnh bạc,
 Chốn dạ-đài (55) chềch mác lòng son.
 Quyết mình há tưởng đến con,
 Tưởng khuôn phúc thiện ngẫm còn về sau.
 Phó ngạnh-lích (?) mặc dầu sinh tử,
 Chắc Lý-đình (56) dạy chữ hiếu trung.

(50) Nhi tôn : con cháu.

(51) Gò cáo : Có câu : Cáo chết quay đầu về núi, nghĩa bóng là người ta ai cũng có lòng quyến luyến nơi quê nhà.

(52) Hàn mai : Cây mai mùa lạnh ; một khóm hàn mai nghĩa bóng là anh em cùng bởi một gốc mà ra.

(53) Thị phi : phải trái ; nghĩa rộng là khen chê.

(54) Phù thế : phù = nổi ; thế = đời. Nghĩa như chữ « phù sinh » (xem số 48 trang trên)

(55) Dạ đài : đèn đêm, tức là âm phủ.

(56) Lý đình : Sân thầy Lý. Xưa thầy Lý là con đức Khổng-Tử, một lần đi qua sân, đức Khổng-Tử dạy nên học thi học lễ, vì thế sau thường dùng chữ « Lý đình » để chỉ nơi cha dạy con.

Cho nên lòng cũng đành lòng,
 Dầu khi biển cổ còn trong luân thường.
 Mỗi tâm-sự đề gương non nước,
 Mạnh huyết-tinh giải trước thần-minh.
 Cầu kia ai gọi « Tận - tình », (?)
 Chiếc bia « Truy-lệ » (57) rành rành bên sông.

IV. — Trốn nạn

Đạo con lấy hiếu trung làm trọng,
 Nỗi thế thường xem mỏng xem khinh.
 Phù-sinh một sợi lơ mảnh,
 Giữ gìn di-thê (58) như hình thiên kim (59).
 Nhận sa nước, nỗi chìm bề khổ (60),
 Yển e cung, tìm đồ cây lảnh (61).

(57) Truy lệ : rơi nước mắt. Xưa ông Dương-Hỗ làm quan Đô đốc Cối kè, lúc chết, dân thương nhớ lập bia ở trên núi Nghiêu gọi là bia truy - lệ.

(58) Di thê : thân-thể của cha mẹ để lại cho.

(59) Thiên kim : nghìn nén vàng ; nghĩa bóng là vật quý lắm.

(60) Nhận sa nước, nỗi chìm bề khổ : Chim nhận vốn bay ở trên không, nếu rơi xuống nước, tất bị sóng gió cuốn đi, khi nổi khi chìm, thật là khổ sở. Câu này ý nói : mình phải lìa cửa lìa nhà, chịu nhiều nỗi cực khổ.

(61) Yển e cung tìm đồ cây lảnh : Chim én bị người ta bắn chượt một lần, sau trông thấy cái cung là sợ, đi tìm cây nào kín đáo mới đỗ. Câu này ý nói : mình đã thoát nạn, đi tìm chỗ ẩn náu.

Đường ngang những sự chông-chênh,
 Khăng-khăng quyết giữ tấm thành như sơn (62).
 Áo Bạch chữ (63) dầu cơn mưa nắng,
 Khăn Ô luân (64) đội nặng gió sương.
 Cảnh mai chësh mắ càng thương,
 Câu thơ tang tử (65) giữa đường càng đau.
 Ngàn non Thái một màu mây bạc (66),
 Giát chân bèo lưu-lạc bề oan.
 Gập-ghềnh từng bước gian-nan.
 Một vùng khách địa muôn vàn thương tâm.
 Lòng hiếu-dưỡng (67) trăm năm đã lỡ,
 Lời di - danh (68) hai chữ còn mang.
 Trong khi biển, chẳng khác thường,
 Đến điều cùng quá lại càng kiên trĩnh.

(62) Giữ tấm thành như sơn : tấm thành : tấm lòng thành-thực. Ta có câu tục-ngữ : « Giữ như giữ sơn », nghĩa là giữ một cách cẩn-thận lắm.

(63) Bạch là trắng, chữ là lụa. Bạch chữ là lụa trắng.

(64) Ô là qua ; đen như qua nên lại có nghĩa là đen ; luân là sợi tơ. Ô luân là sợi tơ đen.

(65) Câu thơ tang tử : câu thơ trong kinh Thi : « Duy tang giữ tử, tất cung kính chi » (cây dâu và cây thị, [của cha mẹ giống], phải kính trọng nó). Hai chữ « tang tử » sau dùng để nói chỗ quê cha mẹ.

(66) Ngàn non Thái một màu mây bạc : Xưa ông Địch-nhân-Kiệt đi làm quan xa, trở đám mây trắng ở núi Thái hằng nói : nhà cha mẹ ta ở dưới đó. Sau dùng để nói ý trông nhớ cha mẹ.

(67) Lòng hiếu dưỡng : lòng người con có hiếu nuôi cha mẹ.

(68) Lời di danh : lời cha dặn mình phải sống để truyền tên họ lại về sau.

Thu nước mắt gia-tình biếng cạn,
 Thấm mồ-hôi vận-hạn lâu qua.
 Tràng - đình ngoảnh lại xa xa,
 Khởi câu « chiết-liều » (69) ai là cố-nhân.
 Ghé chân bước phong trần (70) mới trái,
 Nặng lòng ơ sơn hải (71) chưa đành.
 Nước mây mình biết cho mình,
 Giờ dành tuế nguyệt đất dành điền viên (72).

(69) *Chiết liều* : bẻ cành liễu. Ở cầu Bá-kiều bên Tàu có cây liễu ; khách đi xa qua đây, thường bẻ cành rồi, biệt nhau với những người tiễn đưa, nên gọi là cầu chiết liễu.

(70) *Phong trần* : phong gió ; trần : bụi. Nghĩa bóng là gian truân.

(71) *Ơn sơn hải* : sơn là núi ; hải là bể. Ơn cha mẹ to ví như núi cao bể rộng.

(72) *Giờ dành tuế nguyệt, đất dành điền viên* : tuế nguyệt : năm tháng ; điền viên : ruộng vườn. Câu này ý nói : mình còn sống thì còn ngày giờ, còn đất cát.

(Còn nữa)

DƯƠNG BÁ-TRẠC và DƯƠNG-QUẢNG-HÀM

CẢI CHÍNH

Trong V.H.T.C. số 26, trang 321, chỗ chưa số (11) về hai chữ **Tấn thân**, có thích nghĩa là : « Mũi đại. Tiếng đề chỉ bậc người đỗ đạt làm quan ». Thích như thế chưa được rõ. Nay xin cải chính như sau :

Tấn : dắt vào, cắm vào. **Thân** : thắt (dây) lưng lớn hai đầu rủ xuống. Hai chữ ấy nghĩa là dắt cái hốt vào thắt lưng, tức là nói về các quan, vì các quan vào chầu vua phải cầm hốt để có việc gì thì bèn vào dấy cho khỏi quên.

TIẾT PHỤ NGÂM

LÊ - KẾ - XUÂN

(Tiếp theo kỳ trước và hết)

Người đành có phương huy (1) đáng kính,
Vật cũng còn chi tính nên thương :
Cò thê, chim học kêu sương (2),
Độc qui, chim én còn mang tơ hồng (3).
Vật còn biết đem lòng hoài cự,
Người sao cam lỗi đạo vong thân ;
Trách ai : nguyệt liễu nên vắn (4) :
Cười ai : phong điệp truyền thần nên thơ.
Tranh kim cồ sờ sờ ra đó,
Biết bao nhiêu kẻ dở người hay :
Đắn đo bởi tấm lòng này,
Rõ ràng sống đục khôn tày thác trong,
Chàng có biết, hay không có biết ?
Thiếp cũng xin ngậm huyết làm thề :
Tường đông mặc kẻ đi về,
Chút tình đồng huyết chẳng hề đơn sai.
Thiếp xin giữ đan - đài làm bảo,
Thiếp xin cầm thanh thảo làm gương ;
Nhà lan khuya sớm thờ chàng,
Kính dựng một nén tâm hương đến già.

1) Phương huy là cái nét thơm tho sáng láng của đàn bà.

2) Nàng Đào-Anh giữ nghĩa, người nước Lỗ muốn lấy nàng. Nàng làm bài ca Hoàng-học, đại ý nói : Thường thấy một con hoàng học đã mất đôi, bảy năm bay một mình, đậu một mình nửa đêm kêu gào thảm thiết. Vật còn thể hướng chi là người . . . Người ấy phải thôi.

3) Vương-thị, vợ người Vệ kính Du, 16 tuổi chồng chết, thê không tái giá. Trước cửa có đôi én, sau chỉ còn một con. Nàng lấy sợi tơ đỏ buộc chân én làm ghi ; năm sau én lại còn mang sợi tơ và bay một mình như cũ.

4) Từ của nàng Chu-thục-Chân :

Lời thề ấy nặng là sơn hải,
 Dạ tưởng này bền với sắt son ;
 Bích-đào (1) phảng-phất đầu non ;
 La-phù thấp thoáng bằng hồn bạch mai.
 Dầu chàng ở Dao-dải Lãng-uyên,
 Thiếp cứ xin lưu luyến cô phòng ;
 Đạo trời vốn cũng chí công,
 Cõi tiên, ta sẽ trùng phùng có phen.
 Hay chàng được thiện-duyên phúc báo (2),
 Thiếp hãy xin nương nấu không khuê ;
 Thuyền lành đưa quá bến mê,
 Tái sinh ta nổi hương thề cùng nhau.
 Thiếp chỉ quyết trên hầu từ-mẫu,
 Dưới trông nom trong đạo gia-đình ;
 Đa mỗi tuổi hạc yên lành,
 Gặp chàng sẽ lại tự tình đầu đuôi...
 Thiếp chỉ quyết cúi nuôi trĩ - tử (3),
 Ngẩng đầu lên phụng-sự tổ-tiên ;
 Mầm bồ chồi liễu bén duyên,
 Thấy chàng không then tâm điền mai xưa...
 Tóc mây đã vắng thừa cái lược,
 Đai gương đành ngo-ngác để không ;
 Tâm kinh (4), thiếp lấy làm lòng,
 Một pho Liệt - nữ (5) cũng đồng bạn thân.
 Khỏe hạnh vẫn lọt dần nét phấn ;
 Hương-tiên (6) thường ngo-ngần bỏ qua ;
 Tàn đấng thiếp lấy làm hoa,
 Mấy chòm trinh-thảo (7) ấy là tri-âm.
 Canh song nguyệt cổ cầm làm dấu ;
 Trước đài văn di thảo lưu bài ;
 Tinh anh chàng hãy còn dài,
 Ngắm xem yên - ủi một đời tương - tư.

1) Bích đào là rượu. — 2) Ý nói được thác sinh Thiện-địa. — 3) Là con trẻ. — 4) Là kinh Bát nhã giảng về việc trị tâm, cốt trừ bỏ những sự tham luyến mê đắm ở đời. — 5) Liệt-nữ là sách chép những chuyện hay của đàn bà. — 6) Hương tiên lan. — 7) Trinh thảo là cây thược, sách gọi là nữ trinh thảo.

Bên huệ - trường áo thừa treo đó ;
 Ngoài cấm-đường ảnh cũ đặt lên ,
 Dung hoa chàng hãy còn truyền.
 Ra vào phảng phất mấy phen trùng phùng.
 Tình này sánh với sông với bể,
 Bể dầu khô tình kẻ không cùng ;
 Ước ao mang mẽ tấm lòng,
 Gieo cầu, lên với bạn trong cung Thiềm (1).
 Thôi ta cứ vững niềm sau trước,
 Ngắm đường đời thuận bước mà đi ;
 Trăm năm nào có xa gì,
 Trong trường xuân mộng dựng bi muôn đời.
 Vin bụi trúc gạt với nước mắt ;
 Mượn cảnh dương rưới tắt lửa lòng 2) ;
 Giữa bùn một đóa sen hồng,
 Một thân đứng vững giữa vòng trần ai...
 Cõi không sắc (3), bầu giới xanh ngắt ;
 Cuộc ký-quy (4), quả đất xoay tròn ;
 Còn giới, còn đất, còn non,
 Còn ngày, còn tháng, hãy còn ai ân...
 Tình với nghĩa muôn phần quý trọng ;
 Lợi cùng vinh một móng nhẹ nhàng ;
 Kia ai cảm kích lòng vàng,
 Giả châu rồi lại đổi hàng lụy sa (5).
 Nay băng tuyết trên tòa đao ngọc,
 Đã vì ta sẵn đúc tâm can ;
 Khôn thiêng hoặc có hỏi han,
 Thiếp xin mở ruột tổ gan cùng chàng.

H ẾT

1) Vua Minh-Hoàng được người thuật sĩ gieo khăn thành cái cầu, lên chơi trên cung trăng. — Cung Thiềm là cung trăng. Ban là chỉ nàng Hằng-nga.

2) Đây là nói mượn cái lý tưởng thanh cao của đạo Phật, chứ không phải nói đi tu. Cũng như nói lấy tâm kinh làm lòng.

3) Nghĩa chữ không sắc cũng rộng ; ý nói : trong vũ trụ, bao nhiêu hình hình, sắc sắc, tổng thị hư không ; mà trong những đám hư không, tức cũng là hình là sắc. — 4) Vua Hạ-Vũ-nói : Sinh ký đã, tử quy đã, nghĩa là : Sống là gửi, chết là về. — 5) Bài Tiết phụ ngâm của Trương-Tịch : hoàn quân minh châu xong lệ thủy.



MỬI TÊN ĐỘC

(NÀ THOẢNG ĐIAI)
TIỂU THUYẾT ĐƯỜNG RỪNG

Nguyễn - Lan - Khai soạn

(Tiếp theo và hết)

XX

Chỉ một tiếng trống chiêng nữa là cổ Bạch-Hùng đứt. Bỗng trong đám người đứng xem có tiếng sồn-sao và thấy răn ra một lối đi... Ké - So mặt tái mét, hốt hoảng sấn vào giữa pháp-trường vừa chạy vừa kêu:

— Thong - thả ! ... hãy thong-thả ! ...

Cái phút cực-kỳ cảm động. Anh đao-phủ bỏ thống tay, rơi cả mã-tấu xuống đất. Quan Đạo đứng phắt dậy, chạy ra hỏi:

— Cái gì thế ? ... bay ?

— Bầm...bầm ..Cụ Lớn... Oan...Bạch-Hùng oan ..thủ-phạm giết tên Vát, chính là chánh-mán mục Ma-văn-Quan...

Câu nói như tiếng sét đánh xuống đầu mọi người. Ai nấy hoảng - hốt nhìn nhau...

— Bạch-Hùng mở mắt ra nhìn, buâng - khuâng như người chiêm-bao...

— Bầm Cụ Lớn, đây nhờ khai của Ma-văn-Quan đây.

Quan Đạo tiếp lấy tờ giấy của Ké-So, cất tiếng đọc to, ngái cảm - động lắm, tiếng hơi run-run:

« Tờ khai này chính là thủ bút của tôi, chánh mán mục Ma-văn-Quan, chính tên cũ là La-văn Đầu !

« Cách đây hai chục năm, tôi là người động Cổ-Linh, Khi ấy tôi say mê một người con gái đẹp lắm, (tức là mẹ

Bạch Hùng). Tuy tôi đã van nài khản khoản đôi ba phen mà người con gái ấy vẫn dãi tôi một cách nhạt nhẽo. Sau cô ta lại lấy một người con trai khác cùng ở một động với tôi. Tôi tức lắm. Trong khi ghen tức, tôi quá tay giết chết người chồng cô ta. Làm xong thủ đoạn tàn ác ấy, tôi trốn đến ở động Móc, cũng chả biết vợ hóa con côi người khốn nạn đó về sau ra làm sao.

«Đến đây, tôi thực tình hối tội, định bụng về sau sẽ ăn ở một cách lương thiện. Tôi chăm chỉ làm ăn, chẳng mấy lúc nổi cơ đồ. Bấy giờ tôi mới lấy vợ và cách ít lâu, vợ chồng tôi sinh được một đứa con gái đặt tên là Mai-Dung. Sự đó bà con động Móc ai cũng đã rõ cả. Nhờ tấm lòng yêu mến tin cậy của hàng tổng tôi được bầu làm một người đàn anh dân. Cửa có, vợ con có, danh vọng có. Nếu cứ được như thế có lẽ hết đời tôi may ra cũng không đến nỗi phạm thêm tội ác nào nữa. Nhưng... ngày năm kia, bỗng có một người trẻ tuổi đến xin vào làm với tôi xưng danh là Bạch-Hùng. Thoạt nhìn anh

ta tôi tự dưng cứ ngỡ vực bản khoán. Rồi một đêm kia, trong lúc Bạch-Hùng ngủ mê, tôi tỉnh cò nghe những câu nói của anh ta mà biết rõ rằng chính đó là con của người tôi đã giết. Ai đó thử đoán xem lòng tôi kinh sợ biết chừng nào!... Bạch-Hùng đến đây chắc có ý không hay cho tôi. Tôi dù biết và hết cách đề phòng nhưng chắc đâu một ngày kia anh ta không rõ chuyện tôi!... Trời ôi, tôi chưa muốn chết!... Tôi tiếc đời lắm, tiếc vợ, tiếc con, tiếc sự giàu có, danh vọng.... Ấy chính lúc ấy tôi nảy ra cái ý giết Bạch-Hùng. Mưu tính đã mấy lần đều không thành. Một đêm kia, sau khi bắn chượt Bạch Hùng, tôi phải trốn sang làng bên cạnh, chờ khuya mới lén về quanh nhà nghe ngóng xem động tĩnh thế nào. Không may cho Vát, tôi gặp hấn lúc đó cũng qua đây. Tôi biết rằng mọi người ở động Móc đều rõ chuyện bất bình của Bạch-Hùng và Vát. Tôi bèn giết ngay Vát để buộc tội cho Bạch-Hùng. Quả nhiên lần này mưu kế của tôi thành. Bạch-Hùng bị tình nghi bắt

hạ ngục và chắc sẽ bị chết. Chao ôi, chính lúc mưu tôi thành lại là lúc tôi thất bại to. Việc kín của tôi, vợ con tôi biết cả, tuy chúng không nỡ tố cáo nhưng đối với tôi, chúng tỏ ý ghê tởm vô cùng. Hại hơn nữa là Ké-So cũng rõ các tội của tôi. Ké chưa tố cáo là ý muốn để cho tôi tự xử lấy. Hiện giờ tuy Ké giữ đi vắng, nhưng lúc được tin Bạch-Hùng phải chết, tất thế nào Ké cũng chạy vội về. Tôi không thể nào thoát chết được. Dù có tham sống cũng là vô ích. Vậy tôi xin tự giết để khỏi phiền đến đao-phủ. Trước khi chết, tôi xin đề lại tờ thư tôi này, để lúc Ké-So về sẽ cầm ra trình Quan gỡ tội cho Bạch-Hùng. Chao ôi ! tôi chết ngay giữa lúc vợ tôi ôm nặng con tôi đi vắng, chẳng có ai nói cho một nhời an ủi. Đau đớn lắm thay !...

« Hỡi các bà con hàng Động, xin bà con thư tội cho tôi, và sau này chớ đem cái tiếng «vợ con kẻ giết người» mai mỉa vợ con tôi. Chúng nó vô tội, bị tôi lừa dối mà không biết gì !.. Nếu được như thế, tôi đời ơn vô cùng.

« Đến đây tôi lại xin có

nhời tạ tội cùng Bạch-Hùng.

« Anh Bạch-Hùng ơi, tôi đã giết cha anh, tôi đã làm cho anh phải đau khổ. Tội tôi to lắm, cứ lý ra tôi không được xin anh tha thứ chút nào. Nhưng tôi quả đã thực tình hối-hận, tôi đã dùng ngay mũi tên độc đã giết cha anh khi trước mà tự sát. Thù của anh như thể tướng đã trả song. Chính tôi đã lấy trộm mũi tên ấy khiến cho anh ít lâu nay cứ phải tìm kiếm mãi. Nay tôi chết vì mũi tên ấy rồi, vậy anh tha thứ cho tôi nhé ! Ô đời, sự thù oán là một điều rất kiêu hãnh, anh cứ xem gương đời tôi đủ rõ. Xin anh thương tôi là kẻ khốn nạn lúc chết hãy còn van nài anh. Và, — xin anh rộng lòng cho tôi chuộc tội cùng anh — anh đảm đương lấy cái gia đình vô chủ này cho tôi. Trời ơi, anh Bạch-Hùng, viết đến đây tôi đau đớn quá vì sợ sẽ thấy nở trên cặp môi anh cái nụ cười khinh bỉ... anh thương lấy con Mai coi chừng, mẹ nó già nua ! Tôi còn muốn anh rộng lượng hơn một chút nữa là nhận lấy sự gây hạnh phúc cho con gái tôi. Nó yêu anh lắm. Tấm lòng yêu

ấy tôi thực lấy làm khen ngợi vì một người như anh chắc có thể gây cho con tôi cái tương lai tốt đẹp của người lương thiện. Tôi cũng biết rằng tôi mà mơ tưởng được anh là rẻ, điều đó không khỏi có chút điên rồ nhưng chính đó là một cái hi vọng thiết tha tôi ôm theo xuống tuyến - đài. Cái hi vọng đó, anh Bạch-Hùng ơi, xin anh chớ hắt hủi như một điều vô lý. Anh nên vui lòng nhận cho tôi được cái hi vọng êm ái ấy vì đó là một cách cảm động nhất, khoan hồng

nhất để anh tỏ lòng tha tội cho tôi trước con mắt đầm đìa những giọt lệ tủi hổ của vợ con tôi và trước sự mỉa mai của người đời. . . .

« Thôi chào anh ở lại và mong cho anh đủ lòng thương sót để thực hành cái ý muốn cuối cùng rất thiết tha của kẻ tử-thù của anh đã biết hối quá và ước ao cái hạnh phúc cùng anh đổi thù ra bạn

LA-VĂN-ĐẤU tức

MA-VĂN-QUAN

thủ bút »

H Ê T



CÙNG CÁC NGÀI CÓ CẢM TÌNH

Còn mấy thứ báo này, bản chi cần tìm mà chưa có :

- | | |
|------------------------|-----------------------|
| 1— Đảng cổ tòng báo | 2— Đồng văn tạp chí |
| 3— Công báo in ở Hanoi | 4— Nữ giới chung |
| 5— Nam nữ giới chung | 6— Dân báo in ở Hanoi |
| 7— Tân thể - kỷ | 8— Gia-Định công báo |

Trong bạn đọc-giả ai có, xin gửi cho một số, bất cứ số nào, chúng tôi sẽ gửi biểu báo Văn-học hay một thư sách gì,

Nếu các bạn không có mà biết ai có cũng làm ơn chỉ giùm cho bản-chi, bản chi sẽ viết thư thẳng đến. Đa tạ

V. H. T. C.



HÒA LỮ KẾT NGHĨA

Lịch sử tiểu thuyết

SOẠN-GIẢ : DƯƠNG BÁ TRẠC

(Tiếp theo)

XXVI

Nguyễn tướng-quân một mình tả xung hữu đột, chống cự hết sức, mà thế giặc càng thấy lớn thêm, đương cơn túi bụi trong đám đầu giáo mũi tên thì bỗng lạc mất vương phi cùng vương-tử ; Nguyễn tướng-quân nóng lòng sốt ruột, kêu trời la đất, dấy dựa như điên, một ngựa một gươm xông thẳng vào giữa vòng vây quân giặc, chạy khắp đây khắp đó, gặp ai hỏi nấy, đụng ai chém nấy, có một lúc giết chết quân giặc kể có bốn, năm trăm người, ra ra vào vào, đi đi lại lại mãi không thấy vương - phi cùng vương-tử đâu ; mãi sau, tới một nơi giếng cạn. Nguyễn tướng-quân vừa toan phi ngựa nhảy qua, sức trông thấy vương - phi cùng vương-tử nằm nép mình dưới giếng : Nguyễn tướng-quân vội vàng xuống ngựa, nhảy một cái xuống đáy giếng, ôm lấy vương tử, mừng quá thành khóc mà rằng :

« Trời ơi ! ai dè còn được sinh toàn nằm ở chốn này, thật là hồng phúc chúa-công ta to quá ! Thế mà làm cho tôi quay-cuồng lăn-lộn, giết hại mất đến mấy trăm mạng quân giặc, chui lủi mấy vòng vây mà tìm mãi chẳng thấy.

Nói dứt lời, liền nhảy lên miệng giếng, vừa gặp một tên tiểu-tướng giặc cưỡi ngựa đi ngang tới đó với mấy chục tên quân theo; Nguyễn tướng quân liền chém chết tên tướng giặc, cướp lấy con ngựa, lại nhảy xuống đáy giếng, cấp vương-phi cùng vương-tử lên trên mình ngựa đi trước, mình cũng lên ngựa múa gươm đón cự quân giặc, hộ vệ vương-phi vương-tử đi trở về hậu quân để nhập bọn với Đinh động-chúa rồi cùng liệu đường tiến chỉ. Đi được một quãng, quân giặc vẫn đuổi riết đằng sau, lại ở đằng trước xa xa thấy một đạo quân giặc cũng gươm tuốt giáo trần sấm sấm kéo tới. Té ra Lê-Hoàn cũng mai phục một đạo quân nữa để đón đánh hậu quân động-chúa; lúc động-chúa vừa kéo quân đi tới thì đã bị đạo quân phục của giặc đón đánh bất thành-linh, thua chạy tán loạn đầu mất cả; đạo quân giặc đó đánh tan quân động-chúa rồi tiến thẳng lên hợp với đạo quân mai phục phía trước kia; vừa đi tới đây thì gặp bại binh của Nguyễn tướng-quân đang chạy; quân giặc nhận biết là quân sơn-dộng, truyền lệnh áp đánh ngay. Nguyễn tướng quân khi ấy cô quân mắc nghẽn ở giữa vòng vây, sau thì quân giặc đuổi theo, trước lại quân giặc đón đánh, thật là cái tình cảnh nhà giột gặp mưa, đồ nát gặp gió, nguy khổ không biết chừng nào! quân-lực đã bị, lương ăn cũng kiệt, chỉ một mình tả xung hữu đột, liệu chết cố sống, hộ vệ vương-phi cùng vương-tử ra thoát vòng vây. Quân giặc đều vỗ tay khen rằng: Triệu-tử-Long (1) Việt-Nam là anh này địch thì!

Nguyễn tướng quân đã đem được vương-phi vương-tử ra thoát vòng vây, rẽ tắt xuống dưới cánh đồng lúa chiêm, cõng vương-tử, dắt vương-phi, lom-khom lội lóp-ngóp ở dưới đồng, cổ lặng tiếng im hơi cho quân giặc khỏi trông thấy, đi hết cánh đồng và trong một cái

1) Tướng ông Lưu-Bị, khi thất trận phó con ông Lưu là A-đầu thoát vây.

làng, dân làng ấy vốn trước cũng qui phục về Đinh-tướng-quân, nay tuy phải ép theo Lê-Hoàn, vẫn còn cảm mến uy đức động-chúa. Lúc Nguyễn tướng-quân mới vào làng, quần giáp đất gươm, ăn mặc giả hình làm người thợ cấy, ở miền lụt đói bông con đất vợ đi làm mướn kiếm cơm; dân trong làng thấy Nguyễn tướng-quân người trắng kiện tinh nhanh, ai cũng thích mướn, lại thấy vương-tử khôi ngô đẹp dễ, đều có bụng yêu thương; Nguyễn tướng-quân cùng vương-phi vương tử ở yên trong làng ấy được ít hôm, ngày đêm những thăm dò tin tức Đinh động-chúa cùng Đinh tướng-quân mà chưa tìm ra mối manh gì cả. Một hôm, có mấy người lính trừ-bị về bộ hạ Đinh tướng-quân, kháo chuyện với nhau rằng: « Nghĩ thương hại cho Đinh tướng-quân thống trị các làng ta bấy-lâu, ơn tin rõ rệt, quân dân tin phục, chẳng may gặp vận nhà tang-tóc, giao binh-quyền cho phó-tướng, về sơn-động tổng tang nghĩa-mẫu bị Lê-Hoàn dụng kế xui dục mấy người ngũ trưởng làm phản, rồi thừa hư cướp quân-trại trong sơn-động, anh em động chúa phải một trận đại bại mất hết lương thực khí giới, triệt tồn hết quân gia; Lê-Hoàn được thế trường khu, giết chết được phó tướng của Đinh tướng-quân, chiêu hàng các quân chiếm giữ quân trại, bắt hiếp các làng ta tuân theo kỷ-luật, chúng ta bất nhất sẽ phải sung vào quân đội giặc, làm bung xung cho Lê-Hoàn đi cướp đất giết dân; chúng ta nghĩ cảm cái ơn Đinh tướng-quân, không mặt mũi nào theo giặc, nhưng không theo thời phạm vào kỷ luật thống trị của Lê-Hoàn, cũng khó sao bảo toàn được tính mệnh, chỉ mong lại gặp được anh em động-chúa, nếu trời chưa tuyệt người có đức, anh em động-chúa còn sống sót lẫn lút chốn nào đây, thì chúng ta quyết chí đi theo để chánh khỏi mắc vào tay giặc; nhưng chẳng hay từ khi bại trận ở trong sơn-động, ba người thu thập quân mã đi tìm đường lánh nạn, bây giờ lưu-lạc ở phương nào? Có còn binh yên mạnh khỏe hay đã

bị tên bay giáo chia, hoặc sơn lam chưởng khí, đôi rét nhọc mệt nó hành tội vật mà tử vong mất cả rồi chăng ? »

Người nọ hỏi người kia, đều ngậm ngùi than thở cùng nhau, có kẻ đến giở nước mắt khóc. Cuộc chuyện hồ tan, bỗng có một người trai làng ở ngoài chạy về, mừng khướ lên mà bảo chúng rằng : « Hay, hay quá ! anh em mình đã tám, chín tháng trời nay không được trông thấy cái mặt lồi đình, nghe thấy cái tiếng vàng ngọc của Đình tướng-quân ta nữa, tình thầy trò, nghĩa trên dưới, chúng ta không hề có sao nhãng lúc nào, nghĩ tới cái ơn đức cao dày, cái oai tín rộng của chủ-tướng đối với anh em mình ngày trước thế nào, mà cái phen quân nhân mình, gặp những cơn chủ tướng lưu-ly điên bái như thế này lại không giúp đỡ được chút gì thì sao cho đáng ; khốn về nỗi thầy xuôi tở ngược, trời bể mệnh mông, cá nhận bắt tin, biết đâu dò hỏi. May sao trời xui gặp gỡ, chủ tướng ta nay lại về tới đất này ; tôi vừa được đích tin nói ngài đương đi ngấm trong các làng chiêu tập tàn binh, quyên mộ lương thảo, để sửa soạn theo động-chúa ra Bồ-hải Khẩu, tái tạo cơ đồ ; tôi liền lật đật chạy nói các anh hay ; nếu vậy thì chúng ta nên mau mau chỉnh bị sẵn sàng, chắc bất nhật chủ tướng ta cũng đến đây, chúng ta sẽ đóng giáp mai gươm, sống chết cũng theo chủ tướng ta đi tính đường khôi phục. »

Cả một đám đông ai nấy nghe nói đều reo mừng vui mừng.

Nguyễn tướng-quân nghe lỏm được câu chuyện đó, biết lòng dân còn yêu mến và Đình tướng quân cũng còn được mạnh giỏi, vẫn đi trừ lương chiêu linh, oai tín vẫn đủ trấn phục trong các làng, trong bụng mừng rỡ vui vẻ siết bao, lại nóng muốn được gặp Đình tướng-quân ngay, đề-báo tin cho biết động-chúa cùng mình đi ra Bồ hải-khẩu bị quân giặc chặn đường thất trận thua to, và đề giao vương-phi vương - tử cho Đình tướng-quân hộ vệ giúp mình, mà mình thì đem một đám tinh binh đi lùng khắp mọi nơi tìm động - chúa,

bèn giả bộ vờ vẫn hỏi người đến nói chuyện đó rằng :

— Ô hay ! thế ra các anh xưa kia đã từng đi lính rồi ư ? đi lính thế nào ? đi lính để làm gì ? ông chủ tướng của các anh trước là ông Đinh tướng-quân mà anh vừa kể chuyện đó là người thế nào ? Làm sao mà các anh không quên yêu mến ông ấy ? Tôi thấy các anh yêu mến ông ấy quá thế, mà tôi cũng sinh lòng yêu mến ông ấy, muốn theo ông ấy làm lính thử xem, không biết bây giờ ông ấy hiện ở đâu ? và tôi muốn nhờ anh đưa tôi đến kêu với ông ấy xin cho tôi làm lính theo ông ấy có được không ? Tôi nghèo đói rách rưới, đem vợ con đi trôi nổi cùng nơi làm thuê làm mướn, vật mõi không đủ dứt miệng, nghĩ cũng cực quá ! nếu được các anh tốt bụng đưa đến nói với ông ấy rộng lượng dung cho thì may quá !

Người ấy trả lời rằng :

— Được, điều ấy có khó gì, tôi trông anh tinh nhanh tráng kiện có phần lại hơn chúng tôi. Chúng tôi là dân làng đây, trước làng tôi thuộc về quyền phép Đinh động-chúa thống trị, chúng tôi lệ được ra đi lính, đi lính là ở theo trong quân-đội, chịu kỷ luật nhà quân, nhận lương bổng chúa cho, mà chuyên việc canh phòng đồn ải, đánh cự giặc giã ; chúng tôi đi lính là đi lính với động-chúa tôi, có Đinh tướng-quân thay quyền động-chúa chúng tôi ở đây cai quản ; Đinh tướng-quân chúng tôi người khoan nhân có độ lượng, phép luật rất công nghiêm, mà bụng dạ rất từ ái, ở với sĩ tốt đồng cam cộng khổ, không kiêu, không ngược, không nhờn, không thiên, khắp trong ba quân chẳng ai là chẳng sợ oai, mến đức ; chúng tôi biết chủ tướng tôi là bậc nhân trí khác thường như thế, động-chúa tôi dùng được người như thế, thì thế nào cũng sẽ lập được công nghiệp to lớn, trừ loạn an dân, nên chúng tôi vui lòng theo chủ tướng chúng tôi để hòng một chút mảy mủn công danh, cứu giúp cho hàng xóm họ hàng khỏi lầm

than khốn khổ mãi ; Chủ-tướng tôi nay hiện ở một làng đầu huyện, đương chiêu lính trừ lương : anh có muốn vậy càng hay, đề mai tôi sẽ dắt anh đi tới hầu chủ tướng.

Nguyễn tướng quân hơn hờ tạ ơn người ấy, lại hẹn hò gần bó sớm ngày hôm sau cùng đi. Người ấy nhận lời.

Sáng hôm sau người ấy họp cả bọn mười ba anh em cùng với Nguyễn tướng-quân đi tới hầu Đinh tướng quân ở một làng đầu huyện. Không dè chính ngày hôm trước, có một tên trinh thám của Lê-Hoàn dò biết Đinh tướng-quân ở tại làng ấy, liền đem nhiều tiền của dụ một tên ngũ-trưởng của Đinh tướng-quân, giả vờ xin đến hầu Đinh tướng-quân, lấy tình thầy trò cũ, nói mình từ khi bái biệt, quân trại thất thủ, vẫn giữ được mấy ngũ tinh-binh đóng ở một nơi hiểm yếu, thám tìm chủ tướng để rước về tại đây tạm thời lập cước, dần dần chiêu binh mãi mã, khôi phục cơ đồ ; nay lại gặp được chủ tướng ở đây, siết bao mừng rỡ ; xin mời chủ tướng dõng ngựa đi ngay cho. Đinh tướng-quân nghe nói đã có ý nghi, ngần ngừ không muốn đi vội, sau nghĩ tên ngũ-trưởng nói quá ra giảng thành thực thiết tha, lại nghĩ mình đi đây, trong mình cũng còn có khi-giới chỉnh-tề, lại có vài chục tên thân binh hộ vệ, nó dù điều hiệt phản - trặc cũng chưa hồ dễ làm gì được mình, vả việc mình đương cần lo chiêu mộ cho được nhiều quân, nay có tên thầy-tò cũ có mấy ngũ tinh-binh vui lòng xin theo, mà lại nghi ngại không cho thì còn làm gì được nữa. Làm việc vẫn qui cần thận, nhưng cần-thận quá mà đến nỗi thành ra dút dặt thì cũng hại việc to ; nghĩ thế liền nhận lời đi với tên ngũ-trưởng ấy, Té ra tên ngũ-trưởng ấy đã lập mưu với Lê-Hoàn đem binh đón ngang giữ đường ; khi quân Đinh tướng quân đi vừa tới chỗ quân giặc phục binh, thì bốn mặt mai phục nổi lên, quân Đinh tướng - quân chống cự, lực kiệt thể cùng, thương - hoàng chạy thất lạc cả. Đinh tướng-quân một mình xoay sở, đương giở tay không kịp.... (Còn nữa)

Những cở rác ở vườn văn

1) Báo N. T. (Hanoi) ra ngày 20 Septembre trong bài « *Tiểu thuyết có cần văn không* » có câu này tác-giả dùng dư nghĩa : « Chẳng qua là các ông... đã vì mê say đồng tiền mà *nhần tâm, vô tâm, cam tâm*, đầu đọc đồng bào... » Đã muốn dùng tiếng *nhần tâm* thì thôi *vô tâm* và *cam tâm* vì dùng lối tham vô ích đó nghe ngang tai lắm.

2) Cũng trong một số báo đó, trong bài nói về chủ nghĩa cá nhân ở trương đầu có câu này tác-giả vì vô ý đã dùng sai nghĩa : « ông ở nhờ ông T. có thể-lực ở nghị trường *xách* vào chân bi-thơ giúp việc cho ông V... » Nói vậy không được, theo ý tôi phải nói là : *cất nhắc* hoặc *tiến dẫn* mới đúng hơn, bởi ông S. không phải là con vật có cánh như con gà hoặc cái ghế có tay mà bảo *xách* lên được — Dầu tác - giả viện lẽ muốn dùng nghĩa bóng tôi cũng không chịu.

3) Cũng trong báo N. T. ông N. C. H. có dùng câu này ở một bài tiểu-thuyết : « giới biện-bác, *thạo* quốc văn » tôi xét ông dùng tiếng *thạo* đây không đúng vì tiếng *thạo* chỉ nên dùng theo với *việc*, muốn dùng cho nghe được, ông nên dùng tiếng *thông*.

4) Báo trong Nam, nhất là báo S. và C. L. không kể bài nói về chuyện gì, thỉnh thoảng tôi thường thấy (mà tiếc rằng những bài có lỗi lớn tày đình đây lại là những bài đăng ở trương đầu, có tánh cách hệ - trọng khiến độc-giả ai cầm đến tờ báo cũng phải xem trước) những lỗi không thể dung này :

Chiếm cướp	mà viết ra	<i>chím</i> cướp
Bác cái thuyết	—	<i>bát</i> cái thuyết
Một tấc tây	—	<i>một tất</i> tây
Ngang ngược	—	<i>ngan</i> ngược
Sương rơi lác đác	—	<i>sương</i> rơi <i>lát</i> <i>đát</i>
Ngậm ngùi	—	<i>ngậm</i> <i>nguôi</i>

Uớt đầm	mà viết ra	ước đầm
Làm cho nguoi lòng	—	làm cho nguoi lòng
Nói dịu dàng	—	nói dịu dàng
Nét bi-quan	—	nét bi-quang
Cảnh tiêu tàn	—	cảnh tiêu tàn
Tàn tạt	—	tàn tạt
hoảng hồn	—	hoảng hồn

Cũng trong một bài, trên viết phổ (nhà) sập, dưới lại viết *phổ sụp*. Vậy ra *sụp* và *sập* vẫn có một nghĩa thì sao không nhất định dùng một tiếng,

Dịch thơ tây gặp chỗ túng vận, dịch - giả dùng lối cặp cặp trên nói *ngần ngư* dưới nói *ngần ngáy*.

Hỏi tại sao thì chắc ông ta sẽ trả lời nếu dùng tiếng *ngư* như trên thì lạc vận, đọc lên thì còn gì là thơ nữa.

Xin các ông viết báo ở trong Nam hiểu cho nỗi khổ tâm của kẻ chỉ dẫn ra đây những sự sơ suất khinh thường trong việc viết cho có bài của các ngài, chủ ý tôi muốn các ngài viết phân biệt những tiếng nào đáng dùng *g* và *t*, *c* và chữ nào không đáng dùng 3 chữ đó.

Y. S.



MỘT TỜ BÁO MỚI

Chúng tôi vừa tiếp được số đầu tờ tuần báo **Tribune des Jeunes** do ông Võ-khắc-Thiệu chủ-trương. Tòa báo ở số 60, phố Reims Saigon. Giá báo mỗi số 0\$05.

Như tên đặt, báo này cốt để các bạn trẻ đọc, và cùng nhau vạch lấy một con đường mới để khỏi đi lầm đường như trước.

Bản-chí xin vui lòng giới-thiệu cùng các đọc-giả tờ báo mới này và chúc cho bạn đồng nghiệp trường thọ.

NHỮNG TRUYỀN LÝ-THÚ

TRÊN ĐÀN VẤN.



Nghìn vàng thực cũng nên mua

Có một nhà Thi-sĩ, trong khi nghèo túng, tìm đến chơi một nhà bạn là đại phú thương, định ý cầu viện một số tiền nhỏ con. Khi đến nơi, nhân gặp chủ nhân có việc vui, làm tiệc yến khách; trong bữa tiệc hôm ấy lại có lệnh làm thơ, mỗi người phải làm ít nhất là một câu, bắt vần đến ai mà không ứng khẩu đọc ngay được thì phải phạt rượu. Lúc đến lượt chủ nhân, nhà phú thương đọc rằng :

LIỄU NHƯ PHI LAI NHẤT
ĐIỂM HỒNG.

Nghĩa là : « *Cái bông liễu bay lại một chấm đỏ* ».

Mọi người khách đều lấy làm lạ, cùng hỏi rằng :

— Bông liễu sao lại một chấm đỏ ? Câu trên thế nào mà câu dưới như thế được ?

Nhà phú-thương chưa kịp nói sao, thi-sĩ thay chủ-nhân ứng khẩu đọc luôn rằng :

TỊCH DƯƠNG PHẢN CHIẾU
ĐÀO HOA Ồ,

Nghĩa là : *Mặt giời chiều soi trái lại ở cái rặng hoa đào* ».

Khách chủ đều vỗ tay khen là hay. Rồi mà tiệc rượu rất vui.

(Nguyên cái câu trước của chủ-nhân đọc ra, mới nghe thật là không có nghĩa. Đến câu của thi-sĩ đọc thêm đó, làm cho câu kia thành ra không những có nghĩa mà rất hay. Bởi mặt giời chiều soi trái lại ở cái hoa đào, cho nên nhờ cái cảnh ấy mà bông liễu bay đến thành ra đỏ vậy).

Nhà thi-sĩ ở chơi một hai hôm, rồi từ-tạ xin về. Chủ - nhân lấy một nghìn vàng đưa làm tiền tặng-tiền.

Xưa ông Trương-Như hay phú, bà Dương - Hậu sai người đem nghìn vàng đến, cậy làm một bài phú trường-môn. Như câu thơ bảy chữ của nhà thi-sĩ đây thời « nghìn vàng thực cũng nên mua » vậy.

Tản Đà
NGUYỄN-KHẮC-HIỆU

Thơ tự nhiên của nàng Hồ-xuân-Hương

Nàng Xuân-Hương, khi lấy ông phủ Vĩnh-Tường, có một hôm quan ông đi vắng, quan bà ra ngồi công đường; một ông Cống sinh người trong hạt mới đỗ, làm khảo đưa cái đơn xin mổ trâu; trong lúc đó trời đương đại hạn, quan phủ đã ra lệnh cấm dân không được sát sinh để sửa soạn làm lễ cầu đảo cho được mưa; Xuân-Hương cầm xem lá đơn tự nhiên nguồn thơ lai láng, phê ngay vào đơn rằng :

Người ta thì chả được dẫu,
Ừ thì ông Cống làm trâu thì
làm.

Câu phê ấy có ý nói lỡm ông Cống làm trâu, mà chính là cho phép ông Cống được mổ trâu, ông Cống

cũng phải chịu là tài mà không thể giận được.

Cũng trong lúc ấy một hôm quan phủ cũng đi vắng có lá đơn của dân hàng tổng xin mổ bò tế thần, nàng Xuân-Hương xem đơn phê rằng :

Chuẩn ự, quả việc tế thần,
Bằng gian bán *thịt* bà dẫn
xương ra.

Manh lòng dối dá cửa ta,
Bà thì trọc *tiết* không tha một
thằng.

Rõ là lời lẽ nghiêm chính mà thành hẩu bốn câu thơ, lại khéo dùng những chữ: *thịt*, *xương*, *lòng*, *tiết* cho ăn vào với sự mổ bò, văn thật là mầu mè, mà tài thật là mẫn tiệp
T. H.



^{tin tức} 。TRONG LÀNG VĂN。

Giải thưởng Albert Londres

Trong một số tạp - chí trước, chúng tôi đã có nói đến giải thưởng này. Nguyên ông Albert Londres, « vua phóng sự của nước Pháp » sau khi bị tử nạn ở tàu Georges Philippart tại Hồng-Hải năm ngoái thì những bạn bè của ông có lập ra một giải thưởng cốt để kỷ niệm và đề thưởng cho một nhà phóng sự chuyên môn có tài. Theo điện tín ngày 1 - 11 - 33 thì giải ấy, trị giá 5000 quan đã về tay ông Emile Coudroyer trợ bút báo Journal. Lần này là lần đầu phát giải thưởng ấy.

Trừ những bài phóng sự có tài mà ông Coudroyer đã viết trong báo Journal, ông còn xuất bản bốn quyển sách nhan là : « La maison au grand silence », « Des Fjords aux Tulipes », « Dans les houles de l'Islande », « Les hommes dans la tempête », về quyển sau, ông tả cái đời sinh sống ở Terre-Neuve và những người giữ đèn chiếu ở bể mà ông từng cùng chia bùi sẻ ngọt.

Giải thưởng Europe Nouvelle

Giải này năm nay đã phát cho bà André Violis, một nhà nữ phóng viên có tài.

Chắc độc giả còn nhớ rằng khi ở Lục-Tĩnh sắp sửa có cuộc xử vụ cộng sản thì báo *Petit Parisien* là tờ báo rất to ở bên Paris có phái bà sang Saigon điều tra; ngày ấy bà có vào tận khám lớn hỏi ít người tù lãnh tụ của đảng. Bà ở Saigon ít bữa rồi nhân Nhật. Tàu đánh nhau, bà liền qua đây xem xét tình hình, đến khi trở về, bà có viết hai quyển sách rất có giá trị : Nhật và đế-quốc Nhật (*Le Japon et son Empire*) ; Thượng-Hải và số mệnh nước Tàu (*Shanghai et les destinées de la Chine*) Ấy nhờ hai quyển sách ấy mà bà đã được phần thưởng văn chương này.

Giải thưởng Gringoire

Giải thưởng này trị-giá một vạn quan do tờ tuần báo Gringoire bên Pháp đặt ra để thưởng cho những nhà viết văn làm báo nào có tài điều tra một việc gì; bài điều tra ấy phải in thành sách, đem ra bán rồi ban giám sát phát thưởng mới lựa chọn.

Giải này năm nay về tay ông XAVIER DE HANTEC-LOQUE, trợ bút báo *Petit Journal*, *Liberté* và *Crapouillot* về hai quyển sách điều tra của ông nhan là : *Les per-ceurs des Frontières* và *A l'ombre de la Croix grammée*.



TẠP TRỞ

Lại hai cuốn sách rất nhỏ

Báo *Văn-Học* trước đã có nói đến cuốn sách rất nhỏ. Nay tôi lại xin hiến độc-giả biết hai cuốn khác cũng nhỏ. Cuốn thứ nhất là cuốn « THÁNH-KINH », in tại Luân-đôn năm 1896. Sách có 876 trang và thêm 27 hình vẽ. Bề dài 45 li tây, bề rộng 30 li, bề dày 5 li. Cho được đọc sách ấy, đã sẵn có cái kính hiển-vi đựng trong một bao nhỏ.

Cuốn thứ hai là cuốn « TỰ-VỊ ANH-PHÁP », có 647 trang, in ba cột, dài 28 li, rộng 20 li. Sách này cũng sẵn có kính hiển-vi cho người đọc đọc được.

Cuốn sách viết đã ngoài 2 thế-kỷ

Hồi vua nước Afghanistan đến du-lịch nước Anh. Ngài có tiến vua nước Anh một cuốn sách viết bằng tiếng Hi-Lạp. Cuốn sách ấy viết đã ngoài 200 năm, trên thứ giấy bằng tre, do một tay nhà ký-lục, vì không có bút, phải lấy ngón trở tay hữu mà viết. Đó phải kể là một công-trình kiệt-tác vậy.

Ng. D. T.

AI BIẾT BẢO GIÙM

Một ông bạn đọc báo vừa gửi về mấy bài thơ ca cò bị khuyết đầu khuyết cuối, hoặc khuyết tên tác giả, hoặc bị một vài chữ lỗi nghĩa, không biết vịnh về cảnh hững gì, nhờ đăng lên bản tạp-chí để mong các đọc-giả ai biết mách giùm cho. Vốn là người lưu tâm đến tiền-đồ quốc văn, và lại rất nhiệt thành về việc sửa đổi chữ quốc-ngữ, ông bạn này viết mấy bài sau này toàn bằng lỗi chữ bỏ dấu theo đúng như cái kết-quả cuộc thi đặc biệt của bản chí đã tuyên bố ở kỳ vừa rồi. Bản - chí xin vui lòng đăng nguyên văn như sau, và có in cả « cách đọc lỗi chữ bỏ dấu » ở cuối trang, để các đọc-giả được tiện xem xét.

X

(Bài này viết theo lỗi chữ quốc-ngữ bỏ dấu
in ở Văn - Học Tạp - Chí số 27)

CA TRUR COOZ THIO

But hoa thaov vaan teen mootx beuc,
Geuiz cho ngeuioir tris theuc dangx hay.

Gaamv teur geapx khách dangr maai,
Euioc cheungr cung quees xe zaai xich theangr.
Khuc jang leang cong longr canhx canhx,
Reap timr mai theuus lanhv canh ba. (A)

Nguieetx neam canh zieenv khách heangr nga,
Thix mootx luc nhios ngeuioir hoair vieenv. (B)
Veunionr lan uieenz nhuyx daor phong kieens,
Thio geuiz chim conr neez longr chim.
Ganhr ngaan jang seus dieepx cach troong,
Thio nheans cas conr e zax cas.

CÁCH ĐỌC			d thay cho đ (như den = đen)
CHỮ QUỐC - NGỮ BỎ DẤU			z — — d (— zan = dan)
ea thay cho ă (như teang=tăng)		j — — gi (— ja,jia=gia,giia)	
aa — — ă (— taam=tâm)		s — — / (— tams = tám)	
ee — — ê (— teen = tên)		r — — \ (— bar = bà)	
oo — — ô (— toon = tôn)		z — — ʔ (— nhaz= nhà)	
io — — ơ (— biot = bớt)		v — — ~ (— bav = bã)	
eu — — ư (— leung=lưng)		x — — • (— ngoex= ngọc)	

Cos thio reangr :

*Nooiv nieemr can kios bioiz vir ai,
Chich bongs geuiong loan leuiocx bieengs cair.
Deangr deangv mootx neam zair zeacx zeacx,
Thaous tinhr cheang hioiv khach cheuiong dair.*

Trong caau (A) hai cheuv « theuus lanhv » nghiav lar gir ?
Trong caau (B) cheuv « thi » ioz daai zungr ep quas, khoong
bieet cos phaiz vir laau ngayr truieenr tungx sai leamr di cheang ?
Teen tac-jaz bair nayr lar jir ?

* * *
HAI CAAU DOOIS NHAU

*Dav bieet deuangs anh hungr thir baat quanz ; tream
traanx mootx trangr oanh lieetx, cais sinh khoong cais
teuz cungv nheu khoong.*

*Song trach con taox hoas kheos voo tinhr ; nganr neam
maais hooix tao phungr, phaanh thuys cos phaanh chung
sao cheangz cos.*

Hai caau treen nayr khoong bieet ioz bair vean jir, var khoong
bieet tac-jaz lar ai ?

* * *
CA TRUR

*Nheut dais Nhiv-har thien cooz nguieetx,
Ngonx doong leuu xaai maais cuoocx tang theuiong.
Ngaanz ngio thay ngeuiois hoair cooz kez teu heuiong,
Nheams thanh thix laix troong mieenr thoon ooz
Hiu jos mat thuioz lacx har coo vux,
Nheans tin deua chieeur thu thuyz treuiongr thien.
Nheut thanh traau dichx keuux sion xuieen,
Canhz sao kheos tinhs tinhr chi baais taz.
Thuieenr ai chaatx beens ganhr tiox las,
Trioiz jos lor mat mez ngeu oong.
Khac cheang xich-bich tranh hung, r
Mio mangr bongs nguieetx lanhx lungr nheu xeua,
Tac-jaz bair nayr lar ai ?*

Mới xuất bản SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ của M. ĐỖ-TRĂNG SẴN

Ai chưa biết Cờ ? — Muốn học.

Ai đã biết Cờ ? — Muốn cao.

— Xin coi :

SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ

Dạy đủ cách

Ra quân cho được thao, dàn quân cho khỏi bí.
Đi lăm nước rất bí hiểm, khép vào nhiều trận hay vô cùng
Muốn cao các bạn nên xem

Sách DẠY ĐÁNH CỜ — Giá 0 \$ 20 Cước thường 0 \$ 06

Bán tại : ĐÔNG-TÂY ẤN-QUÁN, 193, Phố hàng Bông — Hanoi

Mua một quyển gửi bằng timbres - postes cũng được.

(nhớ thêm cả tiền cước)

Riêng độc-giả Văn-Học hạn trong một tháng xin trừ 5 xu 1 quyển

Kính thuốc



Nhà **TINH - KY,**

84 - 86, Phố Đầu Cầu
(Avenue Paul Doumer)

HAIPHONG

Chuyên buôn các thứ
kính thuốc cận thị,
viễn thị và dưỡng
mục. Nhiều kiểu gọng
rất đẹp. Có thợ khoan
và mài mắt kính.

Bán buôn và bán lẻ
giá rất hạ

hotel

TAM-KY

KHÁCH LẦU

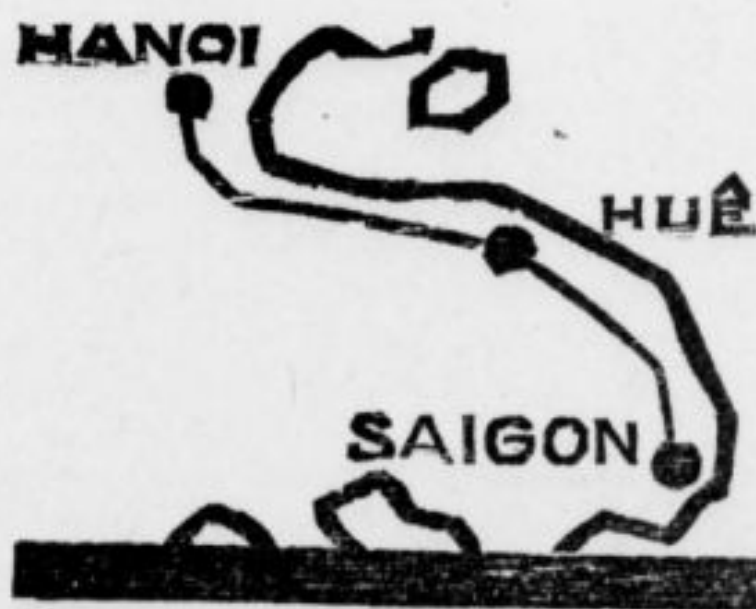
Nº 7 à 27 BOULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 à 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 165 à 171 & 178 à 182 RUE

— BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ - MÁT MẼ VÀ SẠCH SẼ



Chủ nhơn : HUỖNH-HUỆ-KÝ

Un ouvrage à lire

EURYDICE

1er prix de l'Indochine

PAR NGUYỄN - TIẾN - LÃNG

avec traduction en annamite intitulé

TÌNH XUA

Envoyez à l'imprimerie Đông-tây, 193, Rue du Coton, Hanoi 0\$31 en timbres postes (prix du livre 0\$25 et 0\$06 de port) et vous recevrez de suite le volume

SÁCH CỦA

ông Tản - Đà Nguyễn-khắc-Hiền

1. TRẦN AI TRI KỶ (tiểu thuyết). . . .	giá 0\$15	cước 0\$03
2. THỀ NON NƯỚC (id)	— 0.20	— 0.03
3. GIẤC MỘNG CON THỨ HAI (id) —	0.25	— 0.03
4. KHỐI TÌNH CON THỨ BA (thơ ca) —	0.25	— 0.06
5. TẢN-ĐÀ VĂN TẬP THỨ NHẤT (luận thuyết) —	0.32	— 0.06
6. LÊN SÁU (sách lễ con học)	— 0.10	— 0.03
7. LÊN TÁM (id)	— 0.15	— 0.03
8. QUỐC SỬ HUẤN MÔNG (170 trang) —	0.35	— 0.12

Những sách trên này

đều có bán ở ĐÔNG-TÂY ẤN QUÁN, 193 PHỐ HÀNG BÔNG HANOI

Mua 1 quyển gửi bằng timbres postes cũng được

nhớ thêm tiền cước - Tiền cước này là tiền cước thường, nếu muốn chắc chắn gửi lối đảm bảo thì phải thêm 0\$10 nữa.)

Mua cả 8 quyển, cước chung là 0\$32

Ai muốn tập Kiều?

Ai muốn xem chuyện Kiều? hãy mua quyển

Kiều Vận Tập Thành

của Phó - Bảng NGUYỄN - CƯ soạn

Sách có hai phần : trên là bản Kiều - Vận Tập Thành, dưới là toàn chuyện Kim Vân Kiều.

Dày 138 trang — Giá trước là 0\$60 nay chỉ bán 0\$30 —
Gửi bằng timbres postes cũng được (thêm 0\$09 tiền cước)
cho Đông - Tây Ấn Quán, 193, phố hàng Bông — Hanoi.